

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO THỊ QUỲNH MAI

**KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ
CHỨNG CỨ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ
ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH HƯNG YÊN**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60. 38. 01. 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn dẫn rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

Hà Nội, Ngày 25 tháng 07 năm 2016

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Đào Thị Quỳnh Mai

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN VỀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự	7
1.2. Phạm vi và nội dung kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự	15
1.3. Yêu cầu đối với công tác kiểm sát hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ.....	18
Chương 2: THỰC TRẠNG KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH HƯNG YÊN	22
2.1. Các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên có ảnh hưởng đến việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.....	22
2.2. Tình hình kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên	26
Chương 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	52
3.1. Phương hướng nhiệm vụ bảo đảm hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp	52
3.2. Giải pháp tăng cường các biện pháp bảo đảm triển khai thực hiện Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015	56
3.3. Các giải pháp khác.....	69
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐTV	Điều tra viên
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSND	Kiểm sát nhân dân
KSV	Kiểm sát viên
KNHT	Khám nghiệm hiện trường
KNTT	Khám nghiệm tử thi
KSĐT	Kiểm sát điều tra
KTBC	Khởi tố bị can
KTVA	Khởi tố vụ án
QCT	Quyền công tố
QCKSĐT	Qui chế kiểm sát điều tra
TAND	Tòa án nhân dân
THQCT	Thực hành quyền công tố
TTHS	Tố tụng hình sự
VAHS	Vụ án hình sự
VKSND	Viện Kiểm sát nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Công tác kiểm sát điều tra các vụ án hình sự của VKS tỉnh Hưng Yên (kết quả giải quyết của CQĐT)	27
Bảng 2.2.	Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự của VKS tỉnh Hưng Yên (kết quả của VKS)	27

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1.	Kết quả giải quyết án hình sự của Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên.	28
--------------	--	----

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong TTHS nước ta, giai đoạn điều tra vụ án hình sự có vai trò rất quan trọng đối với cả tiến trình giải quyết vụ án hình sự. Kết quả của giai đoạn điều tra vụ án hình sự đóng vai trò quyết định đối với chất lượng, hiệu quả của hoạt động buộc tội và là cơ sở, nền tảng để các chức năng TTHS khác trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo được tiến hành. Giai đoạn điều tra vụ án hình sự với hoạt động tố tụng chủ đạo là hoạt động của Cơ quan điều tra, được đánh giá là giai đoạn tố tụng tiềm ẩn nhiều nhất nguy cơ sai sót, vi phạm pháp luật, kể cả những sai sót, vi phạm pháp luật nghiêm trọng dẫn đến việc truy cứu TNHS oan, sai. Trong giai đoạn này một loạt các hoạt động cụ thể phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục luật định nhằm chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Đó là những hoạt động thu thập vật chứng, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lấy lời khai người biết sự việc phạm tội, người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, hỏi cung bị can, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định và giám định, định giá tài sản, ... Để những quy định trên được tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS, VKSND có thẩm quyền và trách nhiệm chỉ đạo và yêu cầu Cơ quan điều tra phải thực hiện. Đó là chức năng Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra là một trong những công tác thực hiện chức năng của VKSND và đối tượng của hoạt động này là việc tuân theo pháp luật của Cơ quan điều tra, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cũng như những người tiến hành tham gia tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án hình sự để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình điều tra vụ án; đảm bảo mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện, xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ của CQĐT là một bộ phận của công tác kiểm sát điều tra của VKSND. Theo qui định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra vẫn chủ yếu thuộc về trách nhiệm của Cơ quan điều tra. Tuy nhiên, là Cơ quan công tố, Viện kiểm sát phải sử dụng các quyền năng cho phép theo qui định

của pháp luật để yêu cầu CQĐT tiến hành thu thập, đánh giá chứng cứ một cách kịp thời, đầy đủ và chính xác, phục vụ cho việc chứng minh tội phạm, đồng thời cũng là căn cứ vững chắc để VKS xét phê chuẩn các Lệnh, quyết định của CQĐT đề nghị. Do đó, VKSND là cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, nên có vai trò quan trọng trong việc kiểm sát hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ; kiểm tra, giám sát xuyên suốt quá trình thụ lý, điều tra vụ án hình sự; góp phần bảo đảm việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm đúng đắn, không bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội.

Trong hoạt động thực tiễn về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thu thập, đánh giá chứng cứ của CQĐT, KSV gặp rất nhiều vướng mắc do những bất cập quy định của luật nên dẫn đến những vụ án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phải đình chỉ, bị tuyên huỷ để điều tra lại, hoặc tuyên không phạm tội. Năm 2015 BLTTHS ra đời đã thực sự khắc phục được phần lớn những hạn chế, tồn tại của BLTTHS năm 2003 về những quy định liên quan đến chứng cứ, thu thập, đánh giá chứng cứ cũng như sự tham gia của VKS trong hoạt động này, tuy nhiên BLTTHS năm 2015 cũng còn một số vấn đề chưa được giải quyết triệt để đồng thời đến nay cũng chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định trong bộ luật này. Mặt khác, những hệ quả trên không chỉ xuất phát từ nguyên nhân những bất hợp lý các qui định của luật, mà chủ yếu là do chúng ta thiếu và yếu về chứng cứ buộc tội, chứng minh tội phạm do CQĐT đã thu thập làm căn cứ khởi tố, điều tra và đề nghị truy tố. Trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, thực tiễn cho thấy, còn có trường hợp KSV đã không tham gia giám sát vụ án ngay từ khi nhận được tin báo, tố giác..., không kiểm sát chặt chẽ, xem xét kỹ lưỡng; chỉ đạo sát sao, yêu cầu CQĐT thực hiện những công việc cần thiết về thu thập, củng cố chứng cứ trước khi phê chuẩn các Lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra.

Với sự ra đời của Hiến pháp năm 2013, quyền con người và quyền cá nhân, quyền của người bị buộc tội ngày càng được coi trọng và bảo đảm thực hiện tốt hơn. Đồng thời, hiện nay chúng ta đang tiến hành sự nghiệp xây dựng Nhà nước Pháp quyền trong xu thế toàn cầu hoá hội nhập với cộng đồng quốc tế thì cần phải đẩy mạnh cải cách tư pháp nhằm đảm bảo quyền của mọi công dân trong xã hội, đảm bảo quyền bị can, bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, đảm

bảo và mở rộng quyền tham gia bào chữa, quyền tranh tụng của người bào chữa, luật sư. Vì vậy, vấn đề đặt ra yêu cầu KSV của VKSND ngày càng phải thận trọng hơn, chặt chẽ hơn, nâng cao tính thần trách nhiệm hơn nữa khi thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân thủ pháp luật đối với hoạt động điều tra nói chung và hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ nói riêng.

Nhằm góp một phần vào việc xác định chức năng của Viện kiểm sát nhân dân, nhiệm vụ và vai trò của Kiểm sát viên trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự theo tiến trình cải cách tư pháp, tác giả lựa chọn đề tài *“Kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên”* làm đề tài luận văn thạc sỹ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Liên quan đến đề tài, từ trước đến nay có một số công trình nghiên cứu, một số tác phẩm, các bài báo viết trên các tạp chí về chứng cứ trong tố tụng hình sự. Tiêu biểu có các cuốn: “Giáo trình các cơ quan bảo vệ pháp luật”, “Luật học so sánh”, “Lý luận chung về tội danh” của GS.TS Võ Khánh Vinh, “Chế định chứng cứ trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam” của Tiến sỹ Trần Quang Tiệp, “Chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả - thạc sỹ Nguyễn Văn Cừ, “Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự” của tiến sỹ Đỗ Văn Đương; hoặc những bài viết của một số tác giả được đăng trên các tạp chí chuyên ngành như: “Nguyên tắc thu thập, đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự Việt Nam” của Tiến sỹ Đỗ Văn Đương. Tuy nhiên, chưa có một công trình và tác giả nào đề cập đến chức năng Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự. Do vậy, cần phải tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống để làm sáng tỏ chức năng của VKSND và vai trò của Kiểm sát viên trong hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự. Từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về vai trò của KSV, về chức năng, hệ thống tổ chức và hoạt động của Viện KSND, nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là lý luận cơ bản về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ; những quy định của pháp luật đối với hoạt động kiểm

sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự và thực trạng thực hiện các hoạt động này trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ vụ án hình sự là hoạt động xuyên suốt trong quá điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, của những cơ quan có thẩm quyền và những người tham gia tố tụng khác theo qui định của pháp luật. Trong phạm vi đề tài này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ của Cơ quan điều tra trong giai đoạn từ khi khởi tố vụ án hình sự đến khi kết thúc điều tra và một số hoạt động khác theo quy định của pháp luật. Luận văn không nghiên cứu kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ của các cơ quan khác có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra cũng như chủ thể khác.

Tác giả chỉ tập trung làm rõ thực trạng kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2003 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong 05 năm, từ năm 2011 đến năm 2015.

Trong bối cảnh BLTTHS năm 2015 đã được ban hành, nhưng theo Nghị quyết 144/2015/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLTTHS số 101/2015/QH13 từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành, luận văn này ngoài việc phân tích quy định về kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự trong BLTTHS năm 2003 tác giả còn đối chiếu với BLTTHS năm 2015 và chỉ ra những điểm đã được khắc phục.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu có hệ thống lý luận và thực trạng kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, luận văn đưa ra những giải pháp tăng cường và triển khai thực hiện tốt hơn nữa công tác kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những nhiệm vụ sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự. Chức năng của VKSND và kiểm sát việc thu

thập, đánh giá chứng cứ để thấy được vai trò quan trọng của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án hình sự, đặc biệt trong giai đoạn cải cách tư pháp về việc nâng cao công tác kiểm sát.

- Phân tích đánh giá đúng thực trạng kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên.

-Xác định nguyên nhân của những vướng mắc khi tiến hành kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự làm cơ sở đưa ra giải pháp.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận của việc nghiên cứu luận văn là phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về việc xây dựng hệ thống tổ chức hoạt động và chức năng của Viện kiểm sát trong tổ tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói riêng.

- Ngoài phương pháp nêu trên, trong quá trình thực hiện đề tài tác giả còn sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích, chứng minh, tổng hợp, hệ thống, đối chiếu, so sánh, thống kê...để giải quyết vấn đề đặt ra.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn góp phần bổ sung những vấn đề lý luận về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự;

Kết quả nghiên cứu của luận văn không chỉ có ý nghĩa đối với việc kiểm tra, nghiên cứu hồ sơ vụ án của KSV trong quá trình thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự để chỉ đạo, kết hợp với Cơ quan điều tra xử lý và giải quyết vụ án hình sự mà còn có ý nghĩa tham khảo đối với công tác học tập, giảng dạy và nghiên cứu liên quan đến vấn đề này;

Với những điểm mới liên quan đến chức năng kiểm sát điều tra và vai trò KSV của VKSND về hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự trong điều kiện đẩy mạnh cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, đòi hỏi các cơ quan tư pháp nói chung và VKSND nói riêng phải kiên quyết hơn nữa trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm;

Những kinh nghiệm, những vướng mắc và biện pháp khắc phục từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên giúp cho KSV các cấp ở Hưng Yên thực hiện tốt chức năng kiểm sát

việc tuân theo pháp luật trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự nhằm đảm bảo cho việc khởi tố, điều tra và phê chuẩn các quyết định của CQĐT đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội; hạn chế những sai phạm trong quá trình kiểm sát điều tra hiện nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự

Chương 2: Thực trạng kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên

Chương 3: Giải pháp tăng cường bảo đảm kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam thì điều tra là hoạt động tố tụng nhằm làm rõ tội phạm và người phạm tội, chứng minh mọi tình tiết khách quan của vụ án, hướng tới mục đích mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng theo đúng pháp luật. Để bảo đảm mọi hoạt động điều tra được thực hiện theo đúng qui định của pháp luật, một cơ chế giám sát được hình thành; đó là, Nhà nước giao cho Viện kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật đối với các hoạt động tư pháp, trong đó có hoạt động điều tra vụ án hình sự.

Kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự có vai trò, ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng. Công tác kiểm sát hoạt động điều tra được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật sẽ giúp cho Cơ quan điều tra hoạt động đúng hướng, các quyết định khởi tố bị can được đảm bảo đúng người, đúng tội, các hoạt động điều tra được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Kết quả điều tra vụ án hình sự phụ thuộc vào hoạt động điều tra và công tác kiểm sát hoạt động điều tra; là điều kiện tiên quyết, thiết thực, kết quả điều tra là cơ sở để Viện kiểm sát quyết định việc truy tố, nhằm đảm bảo mọi tội phạm đều phải được phát hiện xử lý nhanh chóng kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan, sai và bỏ lọt tội phạm, tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, luận văn này không có điều kiện xem xét việc kiểm sát tất cả các hoạt động điều tra mà chỉ tập trung vào nghiên cứu chức năng kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn này.

1.1.1. Khái niệm kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự

Từ khi ra đời, Nhà nước ta đứng trước những yêu cầu của quá trình xây dựng, củng cố đất nước, trong đó việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan nhà nước và mọi công dân là một trong những yêu cầu cấp bách. Để đáp ứng được yêu cầu đó cần tổ chức thành lập một cơ quan có chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan Nhà nước và mọi công dân nhằm bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Lênin là người đầu tiên có quan điểm về tổ chức cơ quan kiểm tra, giám sát, quan điểm đó được thể hiện trong tác phẩm bàn về "Song trùng, trực thuộc và pháp chế". Vận dụng tư tưởng của Lênin vào thực tiễn xây dựng, tổ chức bộ máy Nhà nước ta, Đảng và Nhà nước đã nhận định rằng, để đảm bảo cho pháp luật do Nhà nước ban hành được thực hiện một cách nghiêm minh và thống nhất thì việc tổ chức một cơ quan có chức năng kiểm tra và giám sát hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước và công dân là một đòi hỏi mang tính tất yếu khách quan nên đã quyết định thành lập cơ quan VKS. Quan điểm trên đã được thể chế hóa trong các hiến pháp từ Hiến pháp năm 1959 đến Hiến pháp 2013. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi) trong đó có sự điều chỉnh chức năng của cơ quan VKS với quy định "Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật" [20, Điều 137]. Hiến pháp năm 2013 quy định: "Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp" [21 Điều 107]. Luật tổ chức VKSND năm 2014 đã cụ thể hóa quy định trên với nội dung Viện kiểm sát thực hiện chủ yếu hai chức năng đó là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Những quy định trên đã đưa ra tiền đề cho việc nghiên cứu làm rõ chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát.

Với quy định tại Điều 107 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi) và Điều 1 Luật tổ chức VKSND năm 2014 thì chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp được coi là vấn đề căn bản xuyên suốt toàn bộ hoạt động của hệ thống cơ quan VKS, đồng thời thể hiện bản chất trong hoạt động của VKS nước ta. Thuật ngữ "kiểm sát các hoạt động tư pháp" được xuất hiện trong các văn kiện của Đảng như Nghị quyết đại hội

Đảng lần thứ IX, X, Nghị quyết số 08 ngày 02/1/2002 của Bộ chính trị và đặc biệt được quy định tại Điều 137 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi), Điều 107 Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức VKSND năm 2014. Tuy nhiên, các nhà lập pháp nước ta chưa đưa ra một định nghĩa pháp lý chung nhất về "kiểm sát các hoạt động tư pháp" nên dẫn đến nhiều quan điểm nhận thức khác nhau về khái niệm này. Xung quanh khái niệm kiểm sát các hoạt động tư pháp đang còn có nhiều quan điểm khác nhau, tựu chung lại có ba nhóm quan điểm sau:

Nhóm quan điểm thứ nhất cho rằng, "kiểm sát các hoạt động tư pháp chỉ bao gồm nội dung kiểm sát các hoạt động tố tụng như điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án".

Nhóm quan điểm thứ hai cho rằng, "kiểm sát các hoạt động tư pháp bao gồm việc kiểm sát hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử (cả các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế, hành chính) và phần "tư pháp" trong thi hành án".

Nhóm quan điểm thứ ba cho rằng: Hoạt động tư pháp là một dạng hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước và cũng phải chịu sự giám sát từ bên ngoài cũng như từ bên trong hệ thống tư pháp, chịu sự giám sát Nhà nước và giám sát xã hội.

Theo nghĩa rộng, kiểm sát hoạt động tư pháp cũng được hiểu là giám sát tư pháp, là một bộ phận, một lĩnh vực của hoạt động giám sát Nhà nước trong lĩnh vực tư pháp. Còn theo nghĩa hẹp thì kiểm sát hoạt động tư pháp được hiểu là chức năng của Viện kiểm sát. Phạm vi kiểm sát tư pháp là việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra, xét xử các vụ án hình sự, giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật. Mục đích của của kiểm sát hoạt động tư pháp là bảo đảm cho pháp luật được áp dụng thống nhất trong giải quyết các vụ án trên cơ sở tuân thủ nghiêm chỉnh thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định.

Mỗi quan điểm trên đây đều có những lập luận đúng của mình về khái niệm "kiểm sát các hoạt động tư pháp". Theo quan điểm của chúng tôi, trước hết cần phải khẳng định kiểm sát các hoạt động tư pháp là chức năng hiến định của VKS. Kiểm sát các hoạt động tư pháp là một dạng giám sát Nhà nước về tư pháp, đây là hoạt động mang tính quyền lực Nhà nước. Tuy nhiên, khác với hoạt động giám sát Nhà

nước nói chung về tư pháp, kiểm sát các hoạt động tư pháp là sự giám sát trực tiếp các hoạt động cụ thể của các cơ quan tư pháp trong quá trình tố tụng với mục đích là nhằm đảm bảo cho pháp luật được áp dụng nghiêm chỉnh và thống nhất trong quá trình giải quyết các vụ án. Bản chất pháp lý của chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự là kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp trong hành vi của các chủ thể bị kiểm sát.

Như vậy, kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự là chức năng hiến định của VKS, có nội dung là giám sát trực tiếp các hoạt động của các cơ quan tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, nhằm bảo đảm cho pháp luật tố tụng hình sự được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, thống nhất.

Theo đó, kiểm sát điều tra là một hình thức KSHĐTP và là một nhiệm vụ, đồng thời cũng là chức năng của VKS. Kiểm sát các hoạt động điều tra là khái niệm đã được đề cập từ năm 1960, ngay từ khi VKS được thành lập. Theo quy định của pháp luật thì trong giai đoạn điều tra, chủ thể duy nhất của hoạt động KSĐT là VKS. Mặc dù cùng có chung mục đích là bảo đảm pháp chế trong giải quyết các vụ án hình sự nhưng mỗi công tác của VKS ứng với mỗi giai đoạn TTHS nhất định, có đối tượng, phạm vi, nội dung riêng, cho nên để có nhận thức khoa học, đúng đắn về hoạt động KSĐT cần phải làm rõ từng yếu tố cơ bản của nó. Điều đầu tiên phải xác định KSĐT là một bộ phận của KSHĐTP, đó chính là hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự. Với tính chất là một chức năng của VKS, KSĐT có bản chất pháp lý là kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của các hoạt động tố tụng tố tụng hình sự được thực hiện bởi CQĐT, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nhằm bảo đảm việc khởi tố, điều tra đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm đồng thời cũng không làm oan cho người vô tội. Điều này được quy định rất cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi kiểm sát điều tra vụ án hình sự tại Điều 166 BLTTHS năm 2015, trong đó VKS thực hiện việc kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn của CQĐT đồng thời VKS cũng thực hiện hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ của CQĐT và những người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn này.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một khái niệm cụ thể nào về thu thập chứng cứ. Trong nghiên cứu, tồn tại nhiều quan điểm khác nhau như: Thu thập chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự là quá trình phát hiện, ghi nhận thu giữ, và bảo quản chứng cứ do ĐTV và những người theo luật định tiến hành bằng các phương pháp, biện pháp và phương tiện phù hợp với pháp luật, không trái pháp luật [9, tr. 50]; Thu thập chứng cứ là phát hiện, thu giữ sự kiện chứng minh; nói cách khác là phát hiện thu giữ những thông tin có ý nghĩa chứng minh tội phạm [24, tr. 7]. Những thông tin này tồn tại trong các nguồn tài liệu, được phản ánh từ các nguồn chứng cứ. Chúng tôi cũng đồng ý với khái niệm trên, bởi vì hiểu theo nghĩa này thì việc thu thập chứng cứ không chỉ là phát hiện thu giữ nguồn (vật chứng, lời khai...) mà sau khi có nguồn chứng cứ phải biết cách khai thác thông tin tồn tại trong nguồn đó. Ngoài việc phát hiện thu giữ nguồn, thu thập chứng cứ còn bao gồm cả việc phát hiện thu giữ các sự kiện chứng minh. Sự kiện chứng minh ở đây được hiểu là những thông tin có giá trị chứng minh tội phạm, là sự kiện thực tế có liên quan đến vụ án.

Đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy của ĐTV, KSV và Tòa án được tiến hành dưới dạng lôgic biện chứng, trên cơ sở pháp luật hình sự, pháp luật và niềm tin nội tâm, nhằm nghiên cứu, đánh giá độ tin cậy và giá trị của từng chứng cứ riêng biệt cũng như tổng hợp các chứng cứ trong vụ án hình sự. Đánh giá chứng cứ được hiểu là kết quả của việc kiểm tra nó để thừa nhận sự tồn tại của sự kiện do chứng cứ đó xác định [53, tr. 403]. Khi diễn đạt nội dung khái niệm đánh giá chứng cứ, có tác giả còn cụ thể khái niệm dưới dạng mục đích. Đánh giá chứng cứ nhằm xác định: Việc sử dụng một chứng cứ nào đó vào vụ án có được hay không, việc sử dụng đó có gì mâu thuẫn với pháp luật và các nguyên tắc chứng minh hay không; chứng cứ này có nằm trong tổng hợp chứng cứ của vụ án hay không; chứng cứ này có liên quan gì đến các chứng cứ khác trong vụ án, tính chất và ý nghĩa của mối liên hệ ấy như thế nào; chứng cứ này cũng như toàn bộ chứng cứ có giá trị như thế nào đối với

việc xác định chân lý, nó đã đủ cơ sở để ra quyết định này hay quyết định khác về mặt tổ tụng chưa; chứng cứ này phải được tiếp tục sử dụng như thế nào trong vụ án.

Để có thể chỉ ra đúng nội dung bản chất của việc đánh giá chứng cứ cần phải chú ý đến sự khác nhau và mối quan hệ của từng chứng cứ riêng lẻ và toàn bộ chứng cứ của vụ án; giữa chứng cứ và đối tượng chứng minh. Sẽ rất khó lý giải đầy đủ về quá trình đánh giá chứng cứ nếu không phân biệt sự khác nhau (về đặc điểm, mục đích yêu cầu, cơ sở) giữa việc đánh giá từng chứng cứ và đánh giá tổng hợp toàn bộ hệ thống chứng cứ trong vụ án. Kết luận cần phải rút ra khi đánh giá từng chứng cứ là mức độ chính xác, giá trị chứng minh và giá trị pháp lý của chứng cứ. Vấn đề đầu tiên phải xác định khi đánh giá từng chứng cứ là kết luận về tính chính xác, tính khách quan của chứng cứ. Đây là vấn đề có tính tiên quyết trong khâu đánh giá chứng cứ vì nếu không kết luận được mức độ xác thực của chứng cứ thì không thể nói tới giá trị chứng minh của nó. Sau khi đã xác định được tính chính xác của chứng cứ, vấn đề tiếp theo phải kết luận là giá trị chứng minh của từng chứng cứ riêng lẻ (riêng biệt) [24. tr,154] xác định (đánh giá) giá trị chứng minh của từng chứng cứ riêng lẻ tức là xác định xem chứng cứ đó có khả năng làm rõ được tình tiết nào trong vụ án. Tuy vậy, nhiều khi chứng cứ riêng lẻ có thể làm rõ được một vấn đề nào đó, có thể trả lời cho ta những câu hỏi nhất định mà ta đang cần biết về vụ án. Vấn đề thứ ba, phải xác định khi đánh giá từng chứng cứ là kết luận về giá trị (hiệu lực) pháp lý của từng chứng cứ. Kết luận về giá trị pháp lý của chứng cứ thực chất là đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ. Chứng cứ phải được phản ánh từ các nguồn do pháp luật thừa nhận và bằng các biện pháp phù hợp với qui định của pháp luật. Nếu nguồn và biện pháp thu thập không phù hợp với qui định của pháp luật thì theo luật hiện hành, thông tin do nguồn đó phản ánh không được coi là chứng cứ mặc dù nó bảo đảm tính khách quan và tính liên quan. Những tài liệu này không được dùng làm căn cứ chứng minh theo trình tự tố tụng.

Khác với đánh giá chứng cứ riêng lẻ, kết luận cần phải rút ra khi đánh giá tổng hợp các chứng cứ trong vụ án chỉ có một nội dung là giá trị chứng minh của hệ thống chứng cứ đó. Giá trị chứng minh tổng hợp của tất cả các chứng cứ không phải là tổng số giá trị chứng minh của các chứng cứ riêng lẻ. Thực tiễn hoạt động tố tụng

cho thấy có nhiều vụ án, nếu xem xét giá trị chứng minh của từng chứng cứ riêng lẻ thì gần như không làm rõ được vấn đề gì nhưng khi phân tích, tổng hợp, đặt tất cả chứng cứ thu được trong một hệ thống logic thì sự thật vụ án được làm rõ.

Trong giai đoạn điều tra, CQĐT, Viện kiểm sát có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp được quy định tại BLTTHS để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội; những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Pháp luật tố tụng hình sự cũng quy định rõ trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Nói cụ thể hơn, muốn phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật của mọi loại tội phạm, thì vấn đề thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ để chứng minh trong hoạt động tố tụng hình sự luôn là vấn đề đầu tiên, có ý nghĩa quyết định trong phát hiện và xử lý tội phạm.

Với chức năng là cơ quan kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ là một hoạt động xuyên suốt quá trình điều tra vụ án hình sự, góp phần bảo đảm việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm được đúng đắn, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội, Viện kiểm sát không chỉ kiểm sát hoạt động này của CQĐT mà còn kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ của các chủ thể khác. Trong TTHS, chủ thể của hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra ngoài cơ quan điều tra thì, cơ quan có nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra..., người bào chữa có quyền thu thập, đánh giá chứng cứ; bị can, một số người tham gia tố tụng khác cũng có quyền thu thập chứng cứ nhưng chủ yếu vẫn thuộc về cơ quan có thẩm quyền điều tra. Tuy nhiên, với trách nhiệm là cơ quan công tố, VKS phải áp dụng các thẩm quyền theo quy định của pháp luật để yêu cầu CQĐT tiến hành thu thập chứng cứ một cách kịp thời, đầy đủ, phục vụ cho việc chứng minh tội phạm, đồng thời cũng là để KSV xét phê chuẩn các lệnh, quyết định tố tụng của CQĐT có căn cứ vững chắc.

Để thực hiện tốt chức năng KSDT, Kiểm sát viên phải thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá chứng cứ đã được CQĐT, người tham gia tố tụng thu thập. Việc đánh giá không chỉ dừng lại ở cảm quan, hiện tượng mà phải phân tích, sàng lọc để

thấy được bản chất. Từ những phân tích trên có thể đưa ra khái niệm kiểm sát việc thu thập và đánh giá chứng cứ trong điều tra VAHS như sau:

Kiểm sát việc thu thập và đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự là hoạt động của Viện kiểm sát nhân danh nhà nước thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp thông qua việc giám sát hoạt động thu giữ, bảo quản, xem xét, đánh giá chứng cứ của chủ thể có thẩm quyền được tiến hành từ khi khởi tố vụ án hình sự đến khi kết thúc điều tra nhằm bảo đảm cho việc chứng minh và xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ, hoàn toàn tuân thủ pháp luật, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

1.1.2. Đặc điểm kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự.

Xuất phát từ khái niệm đã nêu ở trên và trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan, kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự có đặc điểm sau:

Thứ nhất, kiểm sát các hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là hoạt động kiểm sát điều tra xuất phát từ chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, chức năng hiến định của Viện kiểm sát;

Thứ hai, kiểm sát các hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự có phạm vi xác định từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc khi CQĐT kết thúc điều tra vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cùng bản kết luận điều tra cho VKS đề nghị truy tố hoặc vụ án được đình chỉ điều tra;

Thứ ba, khác với kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong khởi tố vụ án hình sự và trong xét xử vụ án hình sự, kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự là hoạt động đa dạng và phức tạp có phạm vi rộng, vì chứng cứ trong vụ án hình sự được thu thập chủ yếu trong giai đoạn điều tra thông qua nhiều biện pháp thu thập khác nhau theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, kiểm sát các hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự nhằm bảo đảm cho việc chứng minh vụ án được khách quan, toàn diện và đầy đủ.

1.2. Phạm vi và nội dung kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự

1.2.1. Phạm vi kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ

Đối tượng của kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự chính là các hành vi xử sự của CQĐT và các chủ thể có thẩm quyền khác trong giai đoạn này theo quy định của pháp luật.

Khi tiến hành hoạt động kiểm sát, VKS phải dựa trên các căn cứ pháp lý là Hiến pháp, Luật tổ chức VKSND, BLHS, BLTTHS và các văn bản pháp luật khác có liên quan để kiểm tra, xem xét bảo đảm sự tuân theo pháp luật, bảo đảm tính có căn cứ và hợp pháp của các hành vi tố tụng hình sự mà chủ thể bị kiểm sát thực hiện.

Điều tra vụ án hình sự là giai đoạn thứ hai của quá trình tố tụng hình sự. Trong giai đoạn này, cơ quan điều tra và các chủ thể khác có thẩm quyền tiến hành thu thập, đánh giá chứng cứ, làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Để thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra, chủ thể có thẩm quyền được tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của BLTTHS. Nếu giai đoạn điều tra không thu thập được đầy đủ chứng cứ hoặc việc thu thập chứng cứ có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì viện kiểm sát hoặc toà án sẽ trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Cơ quan có thẩm quyền điều tra có trách nhiệm điều tra bổ sung đáp ứng yêu cầu của viện kiểm sát hoặc toà án.

Giai đoạn điều tra vụ án hình sự bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự cho đến khi CQĐT kết thúc điều tra chuyển toàn bộ hồ sơ và kết luận điều tra sang VKS đề nghị truy tố. Trong trường hợp vụ án bị đình chỉ điều tra thời điểm chấm dứt giai đoạn điều tra là khi cơ quan tiến hành tố tụng quyết định đình chỉ điều tra. Như vậy, trong trường hợp chưa có quyết định khởi tố vụ án thì các hoạt động điều tra, cụ thể là hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ chưa được tiến hành, trừ những hoạt động khẩn cấp không thể trì hoãn được như bắt khẩn cấp, tạm giữ, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể nên phạm vi của kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự được xác định bắt đầu từ khi CQĐT quyết định khởi tố vụ án hình sự cho tới khi vụ án được kết thúc điều tra bằng bản kết luận điều tra chuyển cho VKS đề

nghị truy tố hoặc khi CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án, trừ những trường hợp không thể trì hoãn, CQĐT phải tiến hành một số hoạt động điều tra trước khi khởi tố vụ án thì phạm vi của kiểm sát hoạt động điều tra bắt đầu từ khi CQĐT tiến hành các hoạt động điều tra đó. Việc xác định phạm vi như vậy là thể hiện đầy đủ bản chất pháp lý của kiểm sát việc tuân theo pháp luật đó là kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp trong hoạt động điều tra vụ án hình sự.

Tóm lại, phạm vi kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ được tiến hành từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, trừ một số trường hợp có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự và kết thúc khi Cơ quan điều tra làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố (hoặc đề nghị truy tố theo thủ tục rút gọn) hay đình chỉ vụ án.

1.2.2. Nội dung kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ

Nội dung của hoạt động KSĐT là tổng hợp các quyền hạn, nhiệm vụ của VKS trong giai đoạn điều tra thông qua việc thực thi nhiệm vụ quyền hạn chung và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các chức danh tư pháp của VKS trong giai đoạn điều tra, gồm 09 nhóm hoạt động sau: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra và lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra; Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết; Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: Tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật; Kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; Cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra; Kiến nghị, yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra; Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cơ quan được giao

nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra, xử lý nghiêm minh Điều tra viên, Cán bộ điều tra vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng; Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc kiểm sát điều tra vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn điều tra việc làm rõ đối tượng chứng minh có ý nghĩa quan trọng trong xác định đúng đắn phạm vi, giới hạn chứng minh. Xác định không đầy đủ đối tượng chứng minh sẽ dẫn đến tội phạm không được chứng minh đầy đủ, các tình tiết của vụ án không được làm rõ hết, làm cho việc giải quyết vụ án thiếu toàn diện, thiếu chính xác. Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Nguyên nhân và điều kiện phạm tội; Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt...

Để làm rõ những vấn đề trên, cơ quan điều tra được áp dụng các biện pháp điều tra để thu thập chứng cứ. Viện kiểm sát có nhiệm vụ phải kiểm tra, giám sát các hoạt động này của cơ quan điều tra. Cụ thể là:

- Kiểm sát việc thu thập đánh giá chứng cứ từ hoạt động hỏi cung bị can và lời khai;
- Kiểm sát việc thu thập đánh giá chứng cứ từ hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói;
- Kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ thu được từ hoạt động khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật;
- Kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ thu được từ hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra;

- Kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ thu được việc giám định và định giá tài sản.

1.3. Yêu cầu đối với công tác kiểm sát hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ

Theo qui định BLTTHS thì ĐTV là người thực hiện các hoạt động điều tra, còn KSV chủ yếu là người giám sát, kiểm sát các hoạt động điều tra. KSV không phải là “người chứng kiến” các hoạt động điều tra mà phải biết vận dụng mối quan hệ quyết định - chấp hành và phối hợp trong hoạt động THQCT và KSĐT của mình. Không ai có thể thay thế ĐTV tiến hành các hoạt động điều tra. KSV được pháp luật trao cho quyền tiến hành các hoạt động điều tra, nhưng cũng chỉ một số hoạt động điều tra nhất định theo qui định của BLTTHS. KSV không thể làm thay công việc, thay thế vị trí của CQĐT và ĐTV. Bởi hoạt động điều tra thuộc chức năng, nhiệm vụ của CQĐT, ĐTV. Pháp luật đòi hỏi KSV phải giỏi về pháp luật TTHS và luật hình sự. Phương tiện để KSV kiểm sát các hoạt động điều tra của CQĐT, ĐTV là pháp luật TTHS, luật hình sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Tuy KSV có kiến thức và khả năng thực hiện các hoạt động điều tra nhưng chỉ sử dụng nó khi cần thiết, không được sa đà vào việc điều tra. Khi KSV tham gia vào công việc lập kế hoạch, định hướng điều tra hoặc đề ra các yêu cầu điều tra, KSV phải đứng trên góc độ pháp luật TTHS để tham gia hoặc đề ra yêu cầu điều tra. Khi điều tra một hành vi phạm tội, KSV phải đưa ra các yêu cầu cụ thể về việc thu thập chứng cứ để xác định hành vi phạm tội đó. Còn việc làm thế nào để có chứng cứ là thuộc trách nhiệm của CQĐT, của ĐTV.

- Kiểm sát viên phải kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ của ĐTV nhằm bảo đảm việc thu thập và đánh giá chứng cứ phải đúng pháp luật và đạt được mục đích. Bởi vì việc thu thập, đánh giá chứng cứ của ĐTV nếu có vi phạm pháp luật, không được tiến hành theo đúng trình tự thủ tục, không bảo đảm tính khách quan, toàn diện thì những chứng cứ đó không có giá trị chứng minh trong vụ án hoặc mục đích của việc yêu cầu thu thập chứng cứ không đạt được.

- Các yêu cầu cơ bản của KSV trong quá trình kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự, đó là đề cao tinh thần trách nhiệm trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Kiểm sát viên phải nắm chắc các

qui định của pháp luật TTHS, Luật hình sự và kiểm sát chặt chẽ các hoạt động tố tụng để kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật và đề ra các biện pháp khắc phục. KSV phải tiến hành các hoạt động kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự một cách chủ động. Kiểm sát viên phải đề cao tinh thần trách nhiệm và chủ động trong công tác KSĐT nói chung cũng như kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ vụ án hình sự của CQĐT. Trong quá trình KSĐT vụ án hình sự, KSV phải luôn chấp hành tốt, đầy đủ các qui định về nhiệm vụ và quyền hạn của mình. KSV phải là những tấm gương trong việc chấp hành pháp luật, không được phép có một hành vi vi phạm pháp luật nào dù là vi phạm nhỏ nhất. Các quyết định của KSV phải có căn cứ và đúng pháp luật. Chấp hành các qui định của BLTTHS về tư cách pháp lý của Kiểm sát viên. Kiểm sát viên từ chối nhiệm vụ là người KSĐT đối với các vụ án khi thuộc một trong các qui định về việc thay đổi KSV; hoặc KSV nhận thấy rằng mình sẽ không vô tư khi tiến hành tố tụng đối với các vụ án, thì có nghĩa là KSV đã vi phạm pháp luật và có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với việc xử lý vụ án, dẫn đến làm sai lệch vụ án, hoặc thậm chí dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội...

- Để bám sát hoạt động điều tra, KSV phải theo dõi ngay từ khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm, khởi tố vụ án để kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong quá trình điều tra vụ án hình sự của CQĐT. Kiểm sát viên phải nắm hết các qui định của pháp luật tố tụng về nhiệm vụ, quyền hạn của KSV khi kiểm sát điều tra. Một trong những biện pháp và quyền hạn mà VKS sử dụng để yêu cầu, đề nghị CQĐT phải thực hiện trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra VAHS, đó là VKS, KSV có quyền đề ra yêu cầu điều tra. Đây là một trong những biện pháp áp dụng hiệu quả trong quá trình kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ theo qui định của pháp luật. Hoạt động điều tra có đầy đủ hay không, có kịp thời, hiệu quả hay không một phần rất lớn phụ thuộc vào việc đề ra các yêu cầu điều tra của KSV. Vì vậy, KSV phải bám sát quá trình điều tra của CQĐT để có những yêu cầu điều tra kịp thời, có hiệu quả, đúng với những vấn đề cần phải điều tra thì sẽ hạn chế được tình trạng VKS phải trả lại hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung hoặc tránh được tình trạng mất mát, thất lạc chứng cứ... và qua đó uy tín của

KSV đối với CQĐT được nâng cao. Hoạt động đề ra yêu cầu điều tra của KSV phải được thực hiện từ đầu, từ khi có quyết định khởi tố vụ án và xuyên suốt quá trình điều tra. Trong khi tiến hành kiểm sát điều tra, KSV không được đợi đến khi CQĐT kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án sang VKS mới đề ra yêu cầu điều tra. Khi đề ra các yêu cầu điều tra về thu thập, đánh giá chứng cứ, KSV phải chú ý kiểm sát CQĐT thu thập đầy đủ các chứng cứ để làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại BLHS. Thu thập các chứng cứ phục vụ cho việc xác định các tình tiết định khung tăng nặng được quy định trong điều luật của BLHS tương ứng với hành vi phạm tội đó (nếu có); thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh rằng, bị can là người đã thực hiện hành vi phạm tội; thu thập đầy đủ chứng cứ phục vụ cho việc xác định các tình tiết giảm nhẹ hoặc miễn trách nhiệm hình sự, kể cả chứng cứ cho việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Việc thu thập chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ, không được bỏ sót bất kỳ một chứng cứ nào nếu thấy cần thiết... Đối với những vụ án trọng điểm hoặc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc vụ án mà dư luận đang rất quan tâm, thì trước khi đề ra các yêu cầu điều tra, KSV phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo VKS. Khi thấy có vấn đề cần phải điều tra thêm, KSV kịp thời bổ sung yêu cầu điều tra; nếu ĐTV đề nghị, KSV có trách nhiệm giải thích rõ nội dung những yêu cầu điều tra. “Trường hợp ĐTV không nhất trí thì KSV báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc KSV được Viện trưởng ủy quyền xem xét, kiến nghị với Thủ trưởng CQĐT giải quyết. Nếu do điều kiện khách quan mà CQĐT không thực hiện được đầy đủ các yêu cầu điều tra thì phải nêu rõ lý do trong bản kết luận điều tra vụ án”.

Kết luận chương 1

1. Trong chương 1, tác giả đã nghiên cứu những vấn đề lý luận về hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ, trên cơ sở đó đưa ra khái niệm, đặc điểm về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Đồng thời tác ra cũng phân tích làm rõ được cơ sở, phạm vi, nội dung và yêu cầu của hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ;

2. Việc xác định nội dung của kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự góp phần nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sai sót và vi phạm trong tố tụng từ các chủ thể thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự;

3. Thông qua việc phân tích, tìm hiểu những vấn đề lý luận tại chương một, giúp tác giả có cái nhìn khái quát, tổng thể về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự. Từ đó, tạo tiền đề để tác giả đánh giá được thực trạng kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn nơi tác giả công tác để nâng cao chất lượng kiểm sát nhằm không bỏ lọt tội phạm và làm oan cho người vô tội, các tội phạm phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Chương 2

THỰC TRẠNG KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH HUNG YÊN

2.1. Các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên có ảnh hưởng đến việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

- Các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên có đặc điểm địa hình tương đối bằng phẳng, nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Hưng Yên là cửa ngõ phía Đông của Hà Nội, có 23 km quốc lộ 5A và trên 20 km tuyến đường sắt Hải Nội – Hải Phòng chạy qua, ngoài ra có quốc lộ 39A, 38 nối từ quốc lộ 5 qua thị xã đến quốc lộ 1A (qua cầu Yên Lệnh) và đến quốc lộ 10 (qua cầu Triều Dương), là trục giao thông quan trọng nối các tỉnh Tây-Nam Bắc bộ (Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hoá...) với Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh. Bên cạnh đó, Hưng Yên gần các cảng biển Hải Phòng, Cái Lân; Sân bay quốc tế Nội Bài, giáp ranh với các tỉnh và thành phố Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nam, Thái Bình và Hải Dương. [54], [55]

Về cơ cấu hành chính: Tỉnh Hưng Yên có 9 huyện và 01 thành phố Hưng Yên - là trung tâm chính trị, văn hóa của tỉnh. Toàn tỉnh có tổng số 161 xã, phường, thị trấn trong đó : 145 xã, 07 phường và 09 thị trấn. Cùng với cơ cấu hành chính như trên thì trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hiện nay ngoài Viện kiểm sát nhân dân tỉnh còn có 9 Viện kiểm sát nhân dân huyện và 01 Viện kiểm sát nhân dân thành phố và theo số liệu thống kê chất lượng cán bộ những năm 2015, tổng biên chế của VKSND tỉnh Hưng Yên là 162 cán bộ, trong đó: 150 người có trình độ cử nhân luật (chiếm 93% tổng biên chế); 32 người có trình độ sau đại học (chiếm 20%); 22 người có trình độ cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị. [54], [56]

Về cơ cấu kinh tế: cùng với sự phát triển kinh tế của cả nước, Hưng Yên được đánh giá là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối nhanh và

cao. Nền kinh tế Hưng Yên đang đổi thay từng ngày. Cơ cấu kinh tế đang dần chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nông nghiệp, nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ trọng giữa chăn nuôi và trồng trọt được cân đối. Người nông dân bước đầu quan tâm đến sản xuất hàng hoá, đảm bảo an ninh lương thực. Công nghiệp, dịch vụ có bước phát triển tương đối mạnh. Công nghiệp địa phương tuy còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng vẫn đạt được những thành tích đáng khích lệ. Một số ngành hàng tiếp tục được củng cố phát triển, lựa chọn các mặt hàng ưu tiên và có lợi thế để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, tạo ra những sản phẩm chất lượng cao. Khối công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh do số dự án đi vào hoạt động tăng lên, sản phẩm được thị trường chấp nhận và có xu thế phát triển tốt. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có rất nhiều các khu công nghiệp lớn như phố nổi A, phố nổi B (khu công nghiệp dệt may), khu công nghiệp Thăng long II (Mitsutomo Nhật Bản), khu công nghiệp Như Quỳnh, khu công nghiệp Minh Đức, khu công nghiệp nhỏ Kim Động, khu công nghiệp Quán Đồn...

Dân số - lao động: Tỷ lệ dân số làm nông nghiệp rất cao, ước tính 80-90%. Tuy nhiên, gần đây tỷ lệ này thay đổi một cách nhanh chóng do tốc độ phát triển của công nghiệp, dịch vụ có xu hướng tăng nhanh hơn. Tỷ lệ dân số làm nông nghiệp năm 2014 ước tính còn 50-55%, công nghiệp 37%, dịch vụ 13%. Tỷ lệ lao động có trình độ của Hưng Yên thấp, bởi sau khi tái lập tỉnh, đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ ở lại tỉnh công tác ít. Hiện nay, số lao động chưa có việc làm ổn định còn nhiều đã trở thành sức ép lớn đối với Hưng Yên trong vấn đề giải quyết việc làm.

Các đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Hưng Yên nêu trên có ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS trên địa bàn tỉnh kể cả góc độ ảnh hưởng tích cực và ảnh hưởng tiêu cực.

Những thuận lợi

Hưng Yên là tỉnh nằm giáp ngay với thủ đô Hà Nội- trung tâm kinh tế, chính trị văn hóa của cả nước, nơi tập trung các trường đại học, trung tâm nghiên cứu với những chuyên gia, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật hiện đã phục vụ tốt cho công tác học tập, nghiên cứu. Đây là những điều kiện thuận lợi cho các cán bộ, KSV của VKS Hưng Yên có điều kiện học tập, tiếp cận, nghiên cứu và trau dồi kiến

thức chuyên môn. Hơn nữa, việc có khoảng cách địa lý rất thuận lợi với các cơ quan đầu não trung ương nên các công tác giáo dục, tuyên truyền chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước ở Hưng Yên luôn được đảm bảo kịp thời và sâu rộng; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm về trật tự pháp luật, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy, Đảng và chính quyền. Đây là nguyên nhân không nhỏ làm giảm tỷ lệ người phạm tội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Thường xuyên và nhất là sau khi các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp được ra đời và triển khai thực hiện, các tư tưởng chỉ đạo của Đảng về công tác tư pháp nói chung, về công tác kiểm sát nói riêng được nghiên cứu, quán triệt sâu rộng và có hệ thống nên hầu hết các cán bộ, KSV trên địa bàn tỉnh đều nhận thức được yêu cầu, nhiệm vụ của ngành trong giai đoạn cách mạng mới để từ đó xác định và phân đấu.

Với sự quan tâm chỉ đạo của Đảng đối với công tác kiểm sát đã tạo nên những biến đổi trong nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi cơ sở đảng, đoàn thể về vai trò, vị trí của VKS nên VKS đã được tạo điều kiện và tăng cường quan tâm đầu tư, hỗ trợ về nhân lực, trang bị cơ sở vật chất cũng như các phương tiện làm việc... Nhờ đó đội ngũ cán bộ, KSV của ngành kiểm sát tại địa bàn tỉnh Hưng Yên có điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ và nâng cao trau dồi kiến thức.

Những khó khăn

Công cuộc đổi mới trong những năm qua, đặc biệt là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế dần sang công nghiệp, sự tăng trưởng về kinh tế cùng với các mặt khác của đời sống xã hội khiến cho đời sống, vật chất, tinh thần, văn hóa của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao, tuy nhiên nền kinh tế thị trường với xu hướng hội nhập cũng bộc lộ những mặt trái của nó. Cùng với sự phát triển kinh tế- xã hội nêu trên tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cũng ngày càng diễn ra hết sức phức tạp cách thức, thủ đoạn phạm tội cũng tinh vi, gây khó khăn cho việc điều tra, thu thập và đánh giá chứng cứ, đặc biệt trong các lĩnh vực tội phạm như: tội phạm ma túy, tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, tội phạm về sở hữu, tội phạm xâm phạm trật tự an toàn xã hội vẫn gia tăng và hậu quả ngày càng nặng

nề. Trong khi đó đội ngũ cán bộ của các cơ quan tư pháp nói chung, của VKS nói riêng lại ở trong tình trạng “vừa yếu, vừa thiếu”, cơ sở vật chất và các phương tiện làm việc của VKS còn vừa thiếu thốn vừa lạc hậu. Bên cạnh đó công tác quản lý của nhà nước ta còn nhiều yếu kém, trình độ dân trí còn thấp, ý thức chấp hành pháp luật của người dân còn chưa cao nên tình hình vi phạm và tội phạm còn xảy ra nhiều. Đây là khó khăn, thử thách lớn đối với VKS.

Cùng với tốc độ đô thị hóa đến chóng mặt kéo đến hệ quả là một đội ngũ người nông dân mất ruộng thất nghiệp ngày càng tăng, sự phát triển của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thu hút một lực lượng lớn người lao động trong đó có những người từ tỉnh khác làm việc và sinh sống tại đó, đa phần trong số họ có trình độ văn hóa và nhận thức pháp luật hạn chế, lại không có việc làm ổn định, tập hợp nhiều thành phần nên tỉ lệ phạm tội gia tăng, trong khi đó công tác quản lý nhà nước còn yếu kém nên đã tạo những khe hở và điều kiện cho tội phạm gia tăng. Đặc biệt trong công tác kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự, mức độ dân trí thấp thực sự đã khiến hoạt động này gặp rất nhiều khó khăn, công tác lấy lời khai, giải thích pháp luật mất rất nhiều thời gian và công sức.

Hưng Yên vẫn là một tỉnh có bình quân thu nhập thấp so với các tỉnh lân cận, trong khi đó chế độ đãi ngộ của nhà nước đối với cán bộ, KSV của ngành kiểm sát vẫn còn chưa thỏa đáng, đồng lương quá ít ỏi, cuộc sống của cán bộ, KSV còn gặp nhiều khó khăn, gánh nặng lo toan cuộc sống thường nhật nên không dồn hết tâm trí và nhiệt huyết cho công tác chuyên môn hoặc không yên tâm công tác.

Trên đây là những ảnh hưởng của những điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của tỉnh Hưng Yên đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS nói chung và kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra nói riêng. VKS các cấp tỉnh Hưng Yên luôn nắm rõ để phát huy và tận dụng những mặt thuận lợi, khắc phục khó khăn, bám sát các yêu cầu nhiệm vụ và chỉ tiêu công tác ngành đặt ra để hoàn thành ở mức độ tốt nhất công tác ngành.

2.2. Tình hình kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, nhất là Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị, công tác kiểm sát điều tra, kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ của VKSND tỉnh Hưng Yên trong những năm gần đây có nhiều tiến bộ, đạt được những kết quả đáng ghi nhận, bên cạnh đó cũng không thể phủ nhận những thiếu sót, hạn chế trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, về cơ bản VKSND tỉnh Hưng Yên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động điều tra, đặc biệt là công tác kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn này. Kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra, lấy lời khai; khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi; khám xét, thu giữ tài liệu, đồ vật; giám định... nâng cao chất lượng điều tra, làm cơ sở cho việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội. Điều đó thể hiện ở số lượng và chất lượng các vụ án hình sự mà VKS tỉnh Hưng Yên đã giải quyết nói chung và kiểm sát các hoạt động điều tra nói riêng. Hàng năm, VKS tỉnh Hưng Yên kiểm sát điều tra một khối lượng rất lớn các vụ án hình sự, năm sau tăng hơn năm trước. Theo số liệu thống kê của VKSND tỉnh Hưng Yên, năm 2013 VKS Hưng Yên phải kiểm sát điều tra 1099 vụ/1668 bị can; năm 2014 là 1165 vụ/1793 bị can và năm 2015 là 1261 vụ/1990 bị can. Do kiểm sát chặt chẽ từ giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can và đặc biệt chú trọng kiểm sát các hoạt động điều tra thu thập, đánh giá chứng cứ chứng minh phạm tội nên không có vụ án, bị can nào phải đình chỉ vì không có tội. Trong 5 năm qua, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên không có vụ án nào VKS truy tố mà Tòa án tuyên không phạm tội. Mặc dù tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp theo chiều hướng ngày càng gia tăng về số lượng, nhiều vụ án có tính chất, mức độ nghiêm trọng, phức tạp nhưng ngành kiểm sát tỉnh Hưng Yên đã có sự cố gắng, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng đẩy nhanh tốc độ giải quyết án, bảo đảm công tác đấu tranh chống và phòng ngừa các loại tội phạm có kết quả.

**Bảng 2.1: Công tác kiểm sát điều tra các vụ án hình sự của VKS tỉnh Hưng Yên
(kết quả giải quyết của CQĐT)**

Năm	Tổng số thụ lý của CQĐT (Vụ / BC)	Giải quyết của Cơ quan điều tra					
		Tổng số giải quyết (Vụ / BC)	T.lệ/ thụ lý (%)	Trong đó			
				ĐN truy tố (Vụ / BC)	T.lệ/ ánKTĐT	ĐC điều tra (Vụ/BC)	T.lệ / ánKTĐT
2011	975/1396	908/1273	93,1	821/1208	84,2	36/56	3,9
2012	1021/1395	917/1232	90,4	851/1169	83,3	23/28	2,5
2013	1099/1668	1016/1487	92,4	925/1426	91,1	14/28	1,4
2014	165/1793	1085/1647	93,1	1005/1579	93,1	24/32	2,2
2015	1261/1990	1118/1792	88,6	1100/1765	88,6	18/27	1,6
T.Vụ	5521	5084	92	4693	92	115/171	2,2
T.BC	8242	7431		7242			

Nguồn: Thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

**Bảng 2.2 Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình
sự của VKS tỉnh Hưng Yên (kết quả của VKS)**

Năm	Tổng số thụ lý của VKS (Vụ / BC)	Giải quyết của Viện kiểm sát					
		Tổng số giải quyết (Vụ / BC)	T.lệ/ thụ lý (%)	Trong đó			
				Truy tố (Vụ / bị can)	T.lệ/ ánGQ (%)	Đình chỉ (Vụ/bị can)	T.lệ / ánGQ (%)
2011	829/1233	827/1230	99,9	810/1203	98	15/22	1,8
2012	855/1175	846/1157	99	840/1147	99,2	06/10	0,7
2013	933/1441	929/1432	99,5	915/1405	98,6	14/27	1,5

2014	1010/1586	1008/1567	99,8	1004/1561	99,6	02/04	0,1
2015	1102/1784	1097/1768	99,5	1091/1758	99,5	06/09	0,5
T.Vụ	4729	4707	99,5	4660	99	43	0,9
T.BC	7219	7154		7074			

Nguồn: Thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Biểu đồ 2.1: Kết quả giải quyết án hình sự của Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên.



Nguồn: Thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

VKS tỉnh Hưng Yên luôn bám sát đường lối chủ trương của Đảng trong chính sách hình sự, tăng cường phối hợp với CQĐT phân hóa khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm, tập trung đấu tranh với những tội phạm nguy hiểm, khoan hồng đối với những người lần đầu phạm tội, phạm tội ít nghiêm trọng. VKS Hưng Yên đã phối hợp với CQĐT giải quyết nhiều vụ án lớn, trọng điểm về an ninh, ma túy, kinh tế chức vụ, trật tự an toàn xã hội...Cụ thể: Đối với các vụ án về kinh tế, chức vụ: VKS tỉnh Hưng Yên đã thực hiện tốt công tác kiểm sát điều tra, thúc đẩy điều tra đưa ra truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, buôn lậu lớn, gây thiệt hại đến việc phát triển

kinh tế hoặc bộc lộ sự yếu kém nghiêm trọng trong quản lý tài chính, đất đai, trị an xã hội. Đối với các vụ án về trật tự trị an: VKS tỉnh Hưng Yên đã yêu cầu khởi tố, đơn đốc CQĐT khẩn trương điều tra làm rõ, góp phần xử lý nghiêm các vụ án đặc biệt nghiêm trọng như các vụ án giết người và cướp tài sản, giết người và hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, hiếp dâm gây hậu quả nghiêm trọng. VKS yêu cầu CQĐT mở rộng điều tra, tích cực truy bắt bọn lưu manh côn đồ, phạm tội có đồng phạm theo kiểu “xã hội đen” góp phần đảm bảo trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Đối với các vụ án ma túy: trước những diễn biến hết sức phức tạp của tình hình các tội phạm về ma túy, liên tục gia tăng về số lượng, phương thức thủ đoạn phạm tội đa dạng và ngày càng tinh vi xảo quyệt, hoạt động tội phạm có sự liên kết liên tỉnh..., VKS tỉnh Hưng Yên đã kiên quyết yêu cầu CQĐT mở rộng điều tra các vụ án, phối kết hợp với CQĐT các địa phương khác tấn công tội phạm, điều tra triệt để các đường dây mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tránh bỏ lọt tội phạm. Trong quá trình kiểm sát hoạt động điều tra, các Kiểm sát viên đã chủ động, tích cực kiểm tra chặt chẽ các hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ; đơn đốc CQĐT khám phá kết thúc điều tra nhiều vụ án lớn.

Công tác kiểm sát hoạt động điều tra của VKS tỉnh Hưng Yên đã có những chuyển biến tích cực cả về nội dung và phương pháp tiến hành, cơ bản bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra, tạo cơ sở cho công tác thực hành quyền công tố.

2.2.1 Những kết quả đạt được về hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên

- *Kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ thông qua việc hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị hại, người làm chứng trong điều tra vụ án hình sự được tiến hành có chất lượng và hiệu quả*

Trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, hoạt động hỏi cung, góp phần quan trọng vào quá trình khám phá tội phạm. Kết quả đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời gian qua không thể tách rời hoạt động hỏi cung. Nhìn chung, trong quá trình hỏi cung bị can, lực lượng ĐTV các cấp đã kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục thuyết phục, tác động tâm lý, sử dụng chứng cứ hợp lý để thu thập chứng

cứ từ lời khai của bị can. Sự tham gia giám sát chặt chẽ ngay từ đầu của KSV trong quá trình điều tra vụ án và đề ra những yêu cầu điều tra, những yêu cầu về thu thập chứng cứ đã hạn chế được tình trạng vi phạm tố tụng trong hoạt động hỏi cung. KSV hai cấp đã thực sự chủ động yêu cầu ĐTV lấy lời khai kịp thời của người làm chứng, người bị hại, không để thiếu sót những nhân chứng quan trọng mà họ trực tiếp nghe được, thấy được hành vi của người phạm tội. Khi kiểm sát các biên bản lấy lời khai người làm chứng và người bị hại nếu thấy vụ án có tính chất phức tạp KSV trực tiếp lấy lời khai để kiểm tra tính sát thực của chứng cứ do CQĐT thu thập. Một số trường hợp nghi ngờ hoặc chứng cứ có mâu thuẫn KSV cũng chủ động bàn với ĐTV về kế hoạch và đề ra yêu cầu hỏi cung bị can; đồng thời kiểm sát quá trình hỏi cung bị can của ĐTV, khi chưa đạt yêu cầu tiếp tục yêu cầu CQĐT làm rõ nhằm đảm bảo việc hỏi cung được đầy đủ, khách quan cả chứng cứ buộc tội hoặc chứng cứ gỡ tội hoặc chứng cứ xác định hành vi không phạm tội.

Thực tiễn KSĐT, việc thu thập, đánh giá chứng cứ từ hoạt động lấy lời khai người làm chứng, người bị hại trong điều tra VAHS được tiến hành có chất lượng và hiệu quả. Từ đó, CQĐT thuận lợi hơn trong quá trình lấy lời khai những người biết về vụ án nhằm kịp thời thu thập chứng cứ một cách khách quan và chính xác. CQĐT các cấp đã chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội để vận động, thuyết phục người biết việc, qua đó góp phần giải quyết vụ án được nhanh chóng. Nhìn chung, việc thu thập, đánh giá chứng cứ từ lời khai được tiến hành theo trình tự, thủ tục TTHS. Lời khai của người làm chứng và người bị hại được thu thập và nghiên cứu xem xét, đánh giá thận trọng ngay trong quá trình lấy lời khai và xác định đúng nhân chứng cần lấy lời khai để làm rõ nguồn gốc, những tình tiết mà họ đã khai báo. Bởi đó là căn cứ quan trọng để CQĐT ra các quyết định tố tụng, là cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động điều tra tiếp theo hoặc kết luận về vụ án.

- Việc kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ trong các hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi đã có nhiều chuyển biến rõ rệt

Trong những năm qua Viện KSND tỉnh Hưng Yên rất chú trọng trong công tác kiểm sát khám nghiệm hiện trường. Nội dung công tác này luôn được nhấn mạnh trong các chỉ thị công tác hàng năm về công tác của ngành KSND. “Đối với các vụ

trọng án không quả tang, những vụ án nghiêm trọng phức tạp, lãnh đạo VKS phải trực tiếp tham gia khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi”. Thực hiện yêu cầu của Viện KSND tối cao, VKSND tỉnh Hưng Yên đã thực sự chú trọng và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, do đó, thời gian qua công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi có nhiều tiến bộ. Tất cả các vụ án có khám nghiệm hiện trường đã được Kiểm sát viên tham gia kiểm sát chặt chẽ. Các quy định về khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định đã được thực hiện tốt hơn trước. Kết quả các cuộc khám nghiệm đã thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc xác định phương hướng điều tra, giải quyết các vụ án, cụ thể:

- Lãnh đạo VKS hai cấp đã làm tốt công tác quản lý, chỉ đạo điều hành việc KNHT, KNTT, quán triệt và thực hiện nghiêm chế độ trực nghiệp vụ. VKS hai cấp đã phân công KSV trực nghiệp vụ 24/24h và tham gia khám nghiệm tất cả các vụ việc do CQĐT chủ trì. VKS hai cấp đã xây dựng được mối quan hệ phối hợp tốt với CQĐT, các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương trong công tác KNHT, KNTT.

- Kiểm sát viên hai cấp đã có nhiều cố gắng, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác kiểm sát KNHT, KNTT, đảm bảo cho các hoạt động khám nghiệm được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục nhằm xác định rõ bản chất vụ việc, làm cơ sở đề ra các biện pháp điều tra tiếp theo. Kiểm sát viên nắm bắt sơ bộ tình tiết, nội dung vụ việc, trao đổi với Điều tra viên và hội đồng khám nghiệm về trình tự và phương pháp khám nghiệm, chú ý quan sát để phát hiện dấu vết, vật chứng; kiểm sát chặt chẽ việc đo, đếm, đánh dấu và thu giữ các dấu vết, vật chứng để lại trên hiện trường, tử thi và ghi chép cụ thể vào sổ KNHT; Yêu cầu Điều tra viên, Giám định viên tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để xác minh thu thập đầy đủ những dấu vết vật chứng có liên quan. Kết thúc việc khám nghiệm, Kiểm sát viên kiểm tra, xem xét chặt chẽ biên bản và sơ đồ hiện trường đảm bảo phản ánh đúng thực tế khách quan; báo cáo đầy đủ, kịp thời nội dung, kết quả khám nghiệm theo quy chế và đề xuất các bước xử lý tiếp theo.

Từ việc thực hiện tốt chức năng kiểm sát KNHT, KNTT đã góp phần đảm bảo cho công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Điển hình trong việc thực hiện tốt công tác khám nghiệm hiện trường, tử thi là:

Vụ án: Nguyễn Văn Minh cùng đồng bọn phạm tội Giết người.

Do mâu thuẫn cá nhân xuất phát trong khi uống rượu, khoảng 21h00" ngày 10/12/2014 giữa Nguyễn Văn Minh và anh Nguyễn Văn Giang xảy ra xô xát đánh cãi nhau. Nguyễn Văn Minh đã dùng dao nhọn, loại dao gọt hoa quả dài 21,5cm lưỡi dao bằng kim loại đâm nhiều nhất vào người anh Giang. Hậu quả làm anh Giang bị đứt mạch máu thần kinh cánh phải, mất máu cấp tính dẫn đến tử vong. Vụ án vướng mắc ở chỗ Nguyễn Văn Minh khai con dao mà Minh đã dùng để đâm chết anh Giang là con dao Minh lấy từ phòng của Nguyễn Văn Hoan nhưng qua khám nghiệm hiện trường con dao tại phòng Hoan vẫn còn. Hiện trường của vụ án trải rộng trên cả tầng 1 và tầng 2 khu nhà trọ, là hiện trường phức tạp và đã bị xáo trộn. Nhận thức được tầm quan trọng của vật chứng đối với việc giải quyết vụ án nên Kiểm sát viên đã yêu cầu Điều tra viên tiến hành khám nghiệm chi tiết, tỷ mỉ hiện trường theo phương pháp cuốn chiếu kết hợp lấy lời khai người làm chứng. Kết quả đã thu được con dao mà Minh dùng để đâm anh Giang tại chân cầu thang tầng 1 của khu trọ, cách xa hiện trường do sau khi đâm anh Giang Minh đã vắt dao ra đó. Người làm chứng nhận dạng khẳng định con dao thu giữ khi khám nghiệm hiện trường mới đúng là con dao Minh đâm anh Giang, phù hợp với các dấu vết thương tích trên tử thi. Con dao mà Minh khai lấy ở phòng Hoan là không đúng.

- Chất lượng kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc khám xét, thu giữ tài liệu, đồ vật ngày càng được nâng lên

Ý thức được hoạt động khám xét, thu giữ tài liệu đồ vật là một trong những hoạt động quan trọng trong việc thu thập chứng cứ, Kiểm sát viên luôn tham gia kiểm sát chặt chẽ quá trình tiến hành khám xét, thu giữ, đồng thời khẩn trương nghiên cứu, xem xét thận trọng yêu cầu của ĐTV để báo cáo đề xuất với lãnh đạo. Sau khi khám xét, thu giữ, tạm giữ tài sản và vật chứng có liên quan đến vụ án, Kiểm sát viên đã nghiên cứu các biên bản khám xét của CQĐT để kịp thời phát hiện

và yêu cầu sửa chữa các vi phạm pháp luật. Đồng thời theo dõi và kiểm tra việc bảo quản tài sản, vật chứng; giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến vật chứng, tài sản. Qua thực tiễn KSĐT các vụ án có hoạt động khám người, khám chỗ ở cho thấy CQĐT đã coi trọng giai đoạn chuẩn bị như nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đối tượng của khám xét, xác định rõ những tài liệu, đồ vật cần phải phát hiện thu giữ, dự kiến chiến thuật khám xét, chuẩn bị lực lượng tiến hành nên nhiều cuộc khám xét được tiến hành nhanh chóng, giữ được yếu tố bất ngờ, đối tượng không còn điều kiện để tiêu hủy tài liệu, chứng cứ vụ án. Kết thúc cuộc khám xét dù có thu giữ được tài liệu có liên quan đến vụ án hay không, CQĐT đều lập biên bản. Các tài liệu, đồ vật bị phát hiện và thu giữ trong cuộc khám xét đều được mô tả rất cụ thể về hiện trạng trong biên bản khám xét và được bảo quản, niêm phong theo đúng qui định của pháp luật.

Trên đây là những kết quả đã đạt được trong kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự của VKS tỉnh Hưng Yên trong những năm qua. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được còn có những tồn tại và hạn chế từ công tác này làm ảnh hưởng đến chất lượng của quá trình giải quyết vụ án hình sự, cũng như hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

2.2.2. Những tồn tại, hạn chế

- Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự

+Kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can

Tình trạng phổ biến nhất về sự vi phạm thủ tục tố tụng trong hoạt động hỏi cung của ĐTV hiện nay là không đảm bảo quyền bào chữa cho bị can theo qui định của pháp luật. Hậu quả hồ sơ vụ án bị kéo dài, bị trả để điều tra bổ sung, bị tuyên hủy để điều tra lại, hoặc tuyên không phạm tội do giai đoạn điều tra CQĐT không mời người đại diện hợp pháp hoặc người bào chữa tham gia bảo vệ quyền lợi của bị can khi họ thuộc trong các trường hợp có khung hình phạt là tử hình, chưa thành niên, nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất bắt buộc phải có người bào chữa.

Điển hình vụ Phạm Minh Đức ở Thủ Sỹ, Tiên Lữ, Hưng Yên phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị TAND huyện Tiên Lữ, Hưng Yên trả hồ sơ điều tra lại

do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không có người bào chữa tham gia khi ĐTV tiến hành hỏi cung bị can (bị can là người mắc bệnh động kinh). Mặc dù tại biên bản giám định pháp y tâm thần kết luận: "Bị cáo Phạm Minh Đức mắc bệnh tâm thần phân liệt" nhưng quá trình điều tra có ba biên bản hỏi cung bị can được lập tại Công an huyện Tiên Lữ không mời luật sư tham gia.

Tình trạng ĐTV lạm dụng những biện pháp nghiệp vụ dẫn đến hậu quả là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm. Điều tra viên thường hay “trọng cung” mà chưa chú trọng đánh giá toàn bộ chứng cứ vụ án, coi lời khai bị can là chứng cứ duy nhất để buộc tội mà không tiến hành thu thập, điều tra, xác minh hoặc so sánh, đối chiếu với các nguồn chứng cứ khác để làm rõ vụ án. Thực tế đã xảy ra nhiều trường hợp mà ĐTV muốn kết thúc nhanh vụ án, muốn giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn tồn tại trong vụ án nên đã cưỡng ép hoặc hứa hẹn làm cho bị can khai nhận không đúng sự thật như vụ Nguyễn Tiến ở Văn Lâm, Hưng Yên do sợ con trai là Nguyễn Văn Hào (khi phạm tội Hào 13 tuổi) bị xử lý về hành vi gây thương tích nên Tiến đã nhận tội thay cho con trai mình đến khi bị khởi tố thì Tiến mới thừa nhận là mình không phải là đối tượng gây ra vụ án mà là do con trai mình gây ra dẫn đến vụ án phải đình chỉ. ĐTV đã vội vàng thỏa mãn với lời nhận tội của bị can mà không chú ý thu thập, đánh giá và sử dụng những chứng cứ khác hoặc thậm chí dùng nhục hình để ép buộc bị can nhận tội. Có trường hợp việc hỏi cung được ghi âm, ghi hình nhưng ĐTV lại không lập biên bản về việc ghi âm, ghi hình đó,.... có một số biên bản hỏi cung bị can ĐTV không ký tên xác nhận, không ghi ngày tháng năm nên các tài liệu đó dù có đưa vào hồ sơ vụ án cũng không có giá trị chứng minh. Có trường hợp khi thấy lời khai của bị can, người làm chứng trước sau không thống nhất, không phù hợp với hiện trường, CQĐT và ĐTV không tổ chức thực nghiệm điều tra;

Ngoài ra, có một hiện tượng rất phổ biến là sau khi kết thúc buổi hỏi cung, ĐTV không đưa cho bị can đọc lại biên bản mà tự đọc cho bị can nghe (thậm chí có trường hợp ĐTV không đọc) và yêu cầu bị can ký vào biên bản hỏi cung, có trường hợp sau khi hỏi cung xong ĐTV không gạch hết phần còn lại tại biên bản hỏi cung rồi sau đó về tự ý viết thêm vào biên bản hỏi cung và hậu quả khi ra trước tòa, bị cáo

chỉ xác nhận chữ ký nhưng không xác nhận phần nội dung. Trong thực tế khi hỏi cung, ĐTV tự mình ghi chép lời khai của bị can, không cho bị can tự viết lời khai như luật đã qui định.

Những vi phạm của CQĐT trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ hoạt động hỏi cung hay lấy lời khai cho thấy KSV cũng không làm tốt chức năng giám sát của mình để phát hiện kịp thời và đề nghị CQĐT thực hiện đúng pháp luật, thậm chí các KSV luôn có tư duy buộc tội nên không chú trọng, tập trung thu thập, đánh giá chứng cứ gỡ tội. Khi thực hiện phúc cung KSV thường phát triển nhằm củng cố các chứng cứ là kết quả thu thập, đánh giá của CQĐT hay khi đọc và nghiên cứu các biên bản hỏi cung, lời khai – một trong các nguồn chứng cứ quan trọng trong việc chứng minh tội phạm có đến 3-4 lời khai về cùng một nội dung nhưng lại hoàn toàn mâu thuẫn với nhau KSV cũng không phát hiện kịp thời để yêu cầu CQĐT đấu tranh nhằm làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai đó.

Vụ án Nguyễn Văn Lang phạm tội cố ý gây thương tích, xảy ra tại Phường Lam Sơn, tp Hưng Yên, kết quả điều tra chứng minh khoảng 4h ngày 27/3/2011 chị Nguyễn Thị Nga ở cùng phường đi mua thịt lợn gặp ông Nguyễn Văn Lang đang tập thể dục buổi sáng trước cửa nhà mình, do có mâu thuẫn từ trước nên ông Lang và chị Nga xảy ra xô xát cãi nhau. Trong lúc xô xát ông Lang có cầm đoạn gậy đuổi đánh chị Nga. Khi mọi người can ngăn thì sự việc chấm dứt. Hậu quả chị Nga bị thương tích tổn hại 41% sức khỏe. Quá trình điều tra vụ án này, lời khai của bị can, lời khai của nhân chứng và lời khai của người bị hại có nhiều mâu thuẫn và ngay trong chính lời khai của những người trên cũng có mâu thuẫn. Nhưng khi lập biên bản lấy lời khai của họ, ĐTV không phản ánh đầy đủ, rõ ràng, không tập trung làm rõ mâu thuẫn lời khai dẫn đến việc phải bổ sung nhiều lần, vụ án phải đình chỉ điều tra.

+ *Kiểm sát công tác lấy lời khai người làm chứng, người bị hại để thu thập chứng cứ trong điều kiện hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp*

Bên cạnh những mặt đạt được từ vai trò quan trọng của những người làm chứng, người bị hại, hiện nay CQĐT cũng gặp rất nhiều khó khăn và phức tạp trong quá trình thu thập, lấy lời khai của họ. Thực tế rất nhiều vụ án, qua kiểm sát điều tra, xem xét để phê chuẩn các quyết định, lệnh của CQĐT, Kiểm sát viên phát hiện

nhiều trường hợp ĐTV chưa lấy hết lời khai của những người biết về vụ án, người bị hại hoặc người liên quan đến vụ án. Vì vậy, KSV từ chối phê chuẩn và yêu cầu CQĐT tiếp tục điều tra, xác minh, lấy lời khai của những người này nhưng CQĐT vẫn không thực hiện được. Không phải ĐTV không thực hiện theo yêu cầu của VKS mà do không thể triệu tập được những người này để lấy lời khai. Do đó nhiều vụ án phải kéo dài, thậm chí vi phạm qui định về thời hạn tố tụng hoặc phải tạm đình chỉ điều tra vụ án. Có rất nhiều lý do về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng khi CQĐT triệu tập như lo lắng bản thân hay gia đình của họ sẽ bị trả thù, hay sợ về mất thời gian hoặc sự tốn kém cho việc đi lại tàu xe, hoặc ảnh hưởng đến công việc họ đang làm.

BLTTHS năm 2003 đã có bổ sung quyền của người làm chứng, quan trọng nhất là quyền yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, hiện nay, có thể thấy tính khả thi của những qui định pháp luật về người làm chứng nói chung trong nhiều trường hợp vẫn còn rất thấp. Nói cách khác, giữa quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng còn khoảng cách rất lớn.

+ *Kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc khám nghiệm nghiệm hiện trường*

Công tác kiểm sát hoạt động KNHT, KNTT còn có những tồn tại, thiếu sót nhất định. Mặc dù không xảy ra phổ biến nhưng trong một số trường hợp cả CQĐT và VKS đều chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động khám nghiệm, để xảy ra sai sót trong việc phát hiện, thu giữ dấu vết vật chứng, gây khó khăn cho việc điều tra phá án sau này, đặc biệt là các vụ trọng án: giết người, cướp tài sản, hiếp dâm trẻ em... Ở một số đơn vị VKS cấp huyện chưa thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường nhất là các vụ tai nạn giao thông, do đó còn xảy ra khiếu kiện kéo dài, vượt cấp nhưng rất khó khăn trong việc kết luận. Năng lực trình độ nghiệp vụ của một số Điều tra viên, Kiểm sát viên còn hạn chế, chưa đồng đều, thiếu chuyên sâu trong việc tiến hành KNHT, tổng hợp đánh giá chứng cứ còn yếu nên việc lập biên bản KNHT, vẽ sơ đồ hiện trường không tỉ mỉ, không mô tả đầy đủ các đặc điểm dấu vết hoặc các vật

chúng tại hiện trường hoặc trên các phương tiện giao thông như: tìm và xác định chiều hướng của các phương tiện đâm, xô, va chạm, dấu vết phanh, dấu vết cày, chà xát của phương tiện, lỗi của người tham gia giao thông... nên mặc dù hậu quả xảy ra rất nghiêm trọng nhưng căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can thiếu và yếu, rất khó khăn trong việc giải quyết. Còn có những trường hợp việc phối hợp giữa CQĐT, CSGT và VKS chưa chặt chẽ, có nơi còn để xảy ra tình trạng khi khám nghiệm hiện trường chỉ có CSGT mà không có Điều tra viên. Cá biệt có một số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả rất nghiêm trọng, đủ dấu hiệu khởi tố vụ án, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có lỗi, vi phạm quy định ATGT nhưng CQĐT lại hòa giải, không khởi tố vụ án hình sự là vi phạm nghiêm trọng.

Điển hình là vụ Nguyễn Văn Tuấn phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” xảy ra ngày 10/11/2012 ở TT Trần Cao, Phù Cừ, Hưng Yên. Nguyễn Văn Tuấn điều khiển xe mô tô BKS 89 B1-032.45 đi với tốc độ cao, không làm chủ được tốc độ nên đã đâm vào xe mô tô do Lê Văn Hùng điều khiển chở sau là Hoàng Đức Dũng đi cùng chiều, hậu quả Hùng và Dũng đều chết. Quá trình khám nghiệm hiện trường có nhiều sai sót, vi phạm nghiêm trọng về tố tụng như không có các bạn của Tuấn là những người làm chứng quan trọng của vụ án nhưng không được tham gia khám nghiệm với tư cách là người làm chứng. Sau này, chính các bạn Tuấn đã phản đối không thừa nhận biên bản khám nghiệm hiện trường do CQĐT lập. “Trong các vụ vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông có dấu hiệu tội phạm, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản thì lực lượng CSGT chỉ được tiến hành các hoạt động khẩn cấp ban đầu, đồng thời thông báo ngay cho CQĐT để thực hiện việc khám nghiệm”. Trong vụ việc này, tuy đã có dấu hiệu tội phạm với hậu quả 2 người chết nhưng Cảnh sát giao thông không thông báo cho CQĐT mà vẫn tiến hành khám nghiệm hiện trường, do đó việc khám nghiệm hiện trường không đúng trình tự, thủ tục, thành phần tham dự không đủ dẫn tới khám nghiệm không khách quan, phát sinh các khiếu kiện phức tạp.

Một số KSV không nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình nên trong nhiều trường hợp tham gia kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường còn lúng túng,

thụ động, tham gia cho đủ thành phần chứ không phát hiện các vi phạm của CQĐT trong quá trình khám nghiệm hiện trường, hoặc nếu có phát hiện nhưng lại không đề ra yêu cầu khắc phục kịp thời, dẫn đến việc giải quyết vụ án gặp nhiều khó khăn, thiếu tính khách quan, vụ án phải điều tra, xét xử lại nhiều lần vì không đủ chứng cứ. Trên thực tế vẫn còn tình trạng KSV phó mặc cho ĐTV, các nhà chuyên môn và ngồi “đợi kí” dẫn đến tình trạng những dấu vết “nóng” tại hiện trường hay những lời khai của người có liên quan ngay tại hiện trường không được thu thập và đặc biệt những chứng cứ đó không thể khắc phục được. KSV không tham gia giám sát chặt chẽ công tác KNHT nên thiết sót vẫn xảy ra như ĐTV bỏ sót dấu vết, vật chứng cần mô tả, thu lượm hoặc mô tả không chính xác, không khách quan dẫn đến đánh giá sai, không lý giải được cơ chế hình thành của dấu vết và mối quan hệ giữa các dấu vết, vật chứng; thủ tục niêm phong, bảo quản vật chứng không đầy đủ, thiếu chặt chẽ. Trong thực tế còn có những trường hợp biên bản khám nghiệm được lập một cách rất sơ sài, đơn giản, không thể hiện rõ các hoạt động tổ tụng cần thiết; sơ đồ hiện trường không mô tả đầy đủ và chính xác các đặc điểm về kích thước, màu sắc của các vật tại hiện trường, nhất là các vật chứng, dấu vết có thể làm chứng cứ của vụ án. ĐTV không ghi đầy đủ thành phần tiến hành và tham gia việc khám nghiệm, dẫn đến có trường hợp biên bản lập xong, những người có liên quan không đồng tình với biên bản khám nghiệm hiện trường, làm cho việc giải quyết vụ án thêm phức tạp. Thực tiễn cho thấy nếu biên bản khám nghiệm hiện trường không được ghi cụ thể, chính xác, khách quan các dấu vết, vật chứng thì khi thực hiện việc tranh luận tại Tòa án, bị cáo, người bào chữa... có thể đưa ra các ý kiến phản bác biên bản khám nghiệm. Lúc đó, chắc chắn KSV sẽ lúng túng, thậm chí có thể thất bại trước các lập luận của bị cáo, người bào chữa.

Khi khám nghiệm, ĐTV không ghi nhận thật đầy đủ vào biên bản các thông tin về đồ vật, tài liệu phát hiện ở hiện trường, như kích thước, màu sắc, chất liệu. Nhiều vụ án do ĐTV cầu thả, không tiến hành thu thập đầy đủ, cụ thể, chính xác, khách quan trong vẽ sơ đồ, chụp ảnh, đo đạc, dựng mô hình, thu nhặt các dấu vết, vật chứng dẫn tới sai sót nghiêm trọng trong việc xác định, đánh giá hành vi phạm tội.

Trong nhiều vụ án, cán bộ làm nhiệm vụ khám nghiệm hiện trường tỏ ra rất thiếu chuyên nghiệp trong thực thi công việc bảo quản vật chứng, tài liệu, dấu vết thu được; cầu thả, tùy tiện, dẫn đến những thiếu sót trong quá trình khám nghiệm. Thực tế đã có nhiều trường hợp, do thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, để vật chứng bị thất lạc, gây khó khăn cho việc xử lý tội phạm, thậm chí có những trường hợp vật chứng bị đánh tráo, thay đổi dẫn đến làm thay đổi bản chất của vụ án. Cũng có trường hợp, do bảo quản không tốt làm cho vật chứng không còn giá trị chứng minh, như việc xóa mất dấu vân tay, dấu vết về lông, tóc đã được thu thập... Những sai lầm này, dẫn đến bế tắc trong xử lý tội phạm, dễ bị can lợi dụng phản cung. Nhiều trường hợp không đủ căn cứ để kết luận, dẫn đến bỏ lọt tội phạm hoặc gây oan, sai. Không ít vụ án phải hủy, điều tra lại, tuy nhiên, việc điều tra lại, trong đó có việc xem xét lại hiện trường nhiều trường hợp gặp rất nhiều khó khăn, do hiện trường đã thay đổi, những người chứng kiến cũng không còn nhớ chính xác từng sự việc xảy ra; do đó, nhiều vụ án cơ quan tiến hành tố tụng phải đình chỉ hoặc tuyên bị cáo không phạm tội.

Chúng tôi nêu ra một vụ án hiếp dâm xảy ra ở tỉnh Hưng Yên để thấy những thiếu sót trong quản lý chỉ đạo của VKS, cũng như những tồn tại trong việc thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động khám nghiệm của VKS.

Vụ án có nội dung như sau: Khoảng 19h ngày 3/4/2011 Lê Văn Trình đến nhà Đỗ Quốc Tuấn ở cùng xóm xem sex. Xem được hơn nửa giờ thì Trình bỏ về nhà và đến thẳng nhà ông Thắng để quan hệ tình dục với cháu Chi. Trình vào nhà bằng cửa trước trong nhà vẫn để đèn típ bật sáng, Trình gọi Chi lúc này ba chị em (Chi 16 tuổi, Nương 14 tuổi và An 6 tuổi) đang ngủ ở giường ngoài, cháu Chi ngồi dậy ra khỏi màn, Trình khoác cổ đưa cháu Chi vào buồng để Chi nằm ngửa ra giường cởi quần cháu Chi, liền lúc đó cháu Nương từ ngoài cầm cây búa chạy vào giơ búa lên định bổ thẳng vào Trình, Trình kịp thời nhìn thấy nên dùng tay xô bật Chi lên làm búa bổ trúng mặt cháu Chi, Trình chop được búa, cháu Nương bỏ chạy ra đến chân bàn thờ thì Trình đuổi kịp và chém liên tục nhiều nhát búa vào đầu làm cháu Nương gục xuống tại đây, Trình quay lại chỗ cháu Chi nằm dùng búa bổ thêm nhiều nhát làm Chi chết hẳn. Thấy cháu An ngồi ở giường ngoài khóc Trình dùng búa đập vào

đầu cháu An làm cháu An bất tỉnh. Hành động xong Trình vút búa lại và chạy ra lối cửa sau nhà, đi tắt qua ruộng chạy thẳng về nhà bà Sáu (dì ruột của Trình) rồi đi ngủ. Khoảng 13h ngày 4/4/2011 một số người ở xóm phát hiện tại nhà ông Thắng có vụ án mạng xảy ra. Anh Đào Văn Tâm là chú họ của các nạn nhân cùng một số người đưa cháu An đi cấp cứu. Trên đường đi có lúc cháu An tỉnh mọi người hỏi cháu nói: Trình chém chết chị Chi, chị Nương và đánh con. Trên cơ sở lời khai này chính quyền và công an xã đưa Lê Văn Trình sinh năm 1974 về trụ sở UBND vào lúc 16h cùng ngày, trên đường dẫn giải Trình đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và khi được hỏi có cùng ai tham gia thì khai có Tô Trường Giang sinh năm 1974 cùng xóm tham gia gây ra vụ án này. Công an xã đã lấy biên bản ghi lời khai của Trình và trên cơ sở lời khai này vào khoảng 18h cùng ngày đã đưa Giang đến trụ sở UBND xã xét hỏi, đồng thời báo cáo vụ việc lên công an huyện và tổ chức bảo vệ hiện trường. Cùng ngày công an tỉnh đã tiến hành khởi tố vụ án về tội “hiếp dâm, giết người” và tổ chức khám nghiệm hiện trường.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh thì xác cháu Chi và cháu Nương nằm ngửa dưới đất cùng một chỗ lọt vào khe trống có chiều rộng 57cm giữa chân giường trong và tường nhà. Xác của cháu Chi nằm dưới không mặc quần, chân của cháu Nương gác chéo qua đùi của cháu Chi, đầu của cháu Nương ở trong gầm giường. Các dấu vết có trên hiện trường như các vết máu trên nền nhà, vết máu trên các đồ vật, vết máu kéo dài trên bao lúa, các vật chứng, đồ vật mang dấu vết tội phạm như chiếc quần dính máu dưới cán búa, chiếc quần dài cuộn lòng quần lót dặt trên vách nhà, trên đầu cây trên sàn nước ngay lối đi cửa sau nhà có các vết máu. Các vật chứng thu được tại hiện trường như cái búa của bị can không đóng gói niêm phong, không tiến hành khám nghiệm mở rộng hiện trường quanh nhà. Khám nghiệm bổ sung ngày 7/4/2011 tại hiện trường để thu thập dấu chân bùn nghi là của tội phạm để lại khi rút chạy nhưng lại chỉ có ĐTV tiến hành thực hiện và thuê thợ ảnh tư nhận chụp dấu vết chân, vẽ sơ đồ, mô tả dấu vết sơ sài, không rõ, không yêu cầu lấy phim đã chụp dấu vết chân, tài liệu này điều tra không để vào hồ sơ vụ án.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án chúng tôi thấy những vi phạm trong khám nghiệm hiện trường, tử thi đó là: Khám nghiệm hiện trường tại nhà ôngThắng (nơi

xảy ra vụ án) ĐTV không xác định và thu thập đầy đủ các dấu vết, vật chứng hiện có ở hiện trường như các dấu vết chân, dấu vân tay trên búa, bật lửa gas, nền nhà; hai chiếc quần dài của nạn nhân, (1 chiếc dưới đáy, một chiếc lồng xoắn với chiếc quần lót dắt trên vách nhà), đôi dép và các dấu vết khác như các vết máu có tại hiện trường; không tiến hành khám nghiệm hiện trường mở rộng. Biên bản khám nghiệm không phản ánh đầy đủ hiện trường vụ án, không mô tả đặc điểm của công cụ phạm tội (cái búa chỉ mô tả lưỡi búa rộng 8cm, cán dài...) Ngoài ra sơ đồ hiện trường lập sơ sai, do đó phải làm đi làm lại ba lần.

Vụ án đã phải xét xử nhiều lần, qua lần xét xử phúc thẩm đều nêu ra các vấn đề CQĐT chưa làm rõ có khả năng bỏ lọt tội phạm đối với Tô Trường Giang, yêu cầu làm rõ chứng cứ của vụ án liên quan đến hành vi của Tô Trường Giang.

Là vụ án quan trọng nhưng VKS tỉnh lại giao cho kiểm sát viên sơ cấp ít kinh nghiệm trong công tác kiểm sát thực hiện khám nghiệm hiện trường dẫn đến thụ động trong quá trình kiểm sát hoạt động khám nghiệm, không phát hiện được vi phạm của CQĐT, không có phương hướng để yêu cầu thu thập, đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, bỏ sót nhiều chứng cứ quan trọng trong việc chứng minh hành vi phạm tội.

+ *Kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc trưng cầu giám định.*

Thực tiễn quá trình kiểm sát điều tra, KSV đã phát hiện và kiến nghị rút kinh nghiệm đối với hoạt động điều tra về sai sót của CQĐT và người tiến hành tố tụng chưa thực hiện đúng các qui định về giám định, vi phạm BLTTHS. Có vụ án phải qua nhiều lần giám định với nhiều kết luận khác nhau làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, làm mất uy tín CQĐT; có vụ do nghi ngờ về kết luận giám định, về tính khách quan của cơ quan trưng cầu và cơ quan kết luận giám định nên người tham gia tố tụng khiếu nại nhiều lần yêu cầu giám định lại... Trong thực tế, đối với việc giám định, tài liệu, dấu vết sau khi khám nghiệm hiện trường, có những chi tiết cần phải giám định để có kết luận của cơ quan chuyên môn, nhưng nhiều trường hợp CQĐT đã không trưng cầu giám định hoặc việc giám định không kịp thời và thiếu chính xác, dẫn đến những khó khăn trong việc xác định làm rõ vụ án.

Ngoài ra, trong thực tiễn đã và đang xảy ra tình trạng khá phổ biến là người bị hại không muốn giám định, không thực hiện quyết định trưng cầu giám định thương tích của CQĐT, VKS gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Hậu quả của tình trạng trên không chỉ làm sót, lọt một số tội phạm, mà nghiêm trọng hơn là tạo điều kiện cho tội phạm có thể lợi dụng để đối phó với các cơ quan tiến hành tố tụng và trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật.

Diễn hình trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ thông qua việc trưng cầu giám định là các vụ án cố ý gây thương tích, bởi ở những vụ án này việc xác định mức độ tổn hại sức khỏe do hành vi cố ý gây thương tích gây nên có ý nghĩa quan trọng để quy kết hành vi gây thương tích đó có phạm tội hình sự hay không. Nhưng thực tế trong một số vụ án VKS không yêu cầu CQĐT khẩn trương hoàn thành thủ tục trưng cầu giám định thương tích của người bị hại, còn để kéo dài nên khi giữa bị hại và đối tượng gây thương tích tự thỏa thuận hòa giải và bồi thường nên người bị hại từ chối giám định. Do đó không có xác định được mức độ tổn hại sức khỏe làm căn cứ khởi tố bị can để xử lý hình sự dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

Vụ án Vũ Văn Tràng phạm tội Cố ý gây thương tích

Kết quả điều tra ban đầu chứng minh: Hồi 14h ngày 16/8/ 2014 Vũ Văn Tràng SN 1975 trú tại xã Nghĩa Trụ, Văn Giang có hành vi dùng hung khí đánh anh Nguyễn Tuấn Anh bị thương tích nặng đã đi cấp cứu tại Bệnh viện. Quá trình điều trị anh Tuấn Anh phải mổ hộp sọ lấy máu tụ trong não và bị liệt $\frac{1}{2}$ người. Thấy có hành vi phạm tội xảy ra Cơ quan CSĐT- công an huyện Văn Giang đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Văn Tràng để điều tra và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng ngay sau khi bị khởi tố gia đình Vũ Văn Tràng và anh Nguyễn Tuấn Anh đã tự hòa giải, thỏa thuận bồi thường. Anh Nguyễn Tuấn Anh đã từ chối đi giám định mức độ tổn hại thương tích và viết đơn miễn tố cho Tràng. Vụ án phải đình chỉ vì không giám định được mức độ tổn hại sức khỏe của anh Nguyễn Tuấn Anh.

Một số trường hợp khi nghiên cứu kết luận giám định thương tích thấy mâu thuẫn với kết quả điều tra vụ án nhưng VKS không yêu cầu CQĐT làm rõ mâu thuẫn đó dẫn đến tình trạng khi kết thúc điều tra phải trả hồ sơ bổ sung nhiều lần

nhưng vẫn bế tắc, có khi dẫn đến đình chỉ điều tra. Có vụ án kết quả giám định thương tích còn nhiều điểm mâu thuẫn với lời khai của người bị hại, nhân chứng, bị can về diễn biến hành vi gây thương tích của bị can, thậm chí còn mâu thuẫn trong giải thích cơ chế hình thành dấu vết nhưng CQĐT chưa làm rõ mâu thuẫn đó.

+ *Công tác kiểm sát khám xét hiện nay cũng đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc*

Các đối tượng bị khám xét hiện nay tỏ ra khôn ngoan hơn, chúng sử dụng kỹ thuật công nghệ cao hoặc lợi dụng những kẽ hở của pháp luật, những sơ suất, thiếu sót của lực lượng khám xét để trì hoãn, cản trở việc khám xét nhằm tẩu tán, phi tang tài liệu đồ vật, vật chứng liên quan đến vụ án. Mặt khác, do qui định của pháp luật tố tụng còn bất cập, không hợp lý, phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát (khoản 1 Điều 193 BLTTHS năm 2015) thì lệnh khám xét mới được thi hành, đã gây khó khăn cho việc cần phải ngay lập tức thu thập chứng cứ. Bởi hoạt động khám xét phải nhanh chóng, không sẽ mất cơ hội về việc phát hiện chứng cứ của tội phạm. Nếu đợi khi VKS ra quyết định phê chuẩn thì trong thời gian này, ĐTV cũng khó mà ngăn chặn việc phi tang vật chứng, trong khi đó VKS cần một thời hạn nhất định để xem xét nhằm bảo đảm việc phê chuẩn phải chính xác và có căn cứ. Việc làm đó làm nảy sinh vấn đề CQĐT cho rằng VKS không tạo điều kiện cho hoạt động điều tra. Thực tế vẫn xảy ra nhiều trường hợp Kiểm sát viên được giao nhiệm vụ nghiên cứu để đề xuất lãnh đạo phê chuẩn nhưng do thiếu trách nhiệm đã không làm kịp thời mà còn “giam” hồ sơ lại trong thời gian dài dẫn đến hoạt động khám xét của CQĐT bị trì hoãn, không kịp thời thu thập được các chứng cứ quan trọng của vụ án.

+ *Việc đánh giá chứng cứ trong một số vụ án của ĐTV, KSV còn biểu hiện sự phiến diện, một chiều, nặng về ý thức chủ quan; không xem xét toàn diện các yếu tố khách quan có liên quan đến vụ án; không xác định tính hợp pháp, sự chính xác và tính liên quan của chứng cứ trong hồ sơ vụ án*

Những sai sót trên do việc thu thập chứng cứ không thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục được qui định trong BLTTHS. Qui định của pháp luật tố tụng hình sự còn chung chung, không qui định cụ thể phải dựa trên cơ sở nào để đánh giá chứng cứ. Điều đó làm cho các chủ thể đánh giá chứng cứ và chủ thể kiểm sát việc đánh giá chứng cứ rất khó khăn trong việc xác định sự thật của chứng cứ, sẽ xảy ra tình trạng

không thống nhất về việc đánh giá chứng cứ giữa ĐTV với Thủ trưởng CQĐT, giữa CQĐT, ĐTV với VKS, KSV.

Vụ án Bùi Đức Chuẩn phạm tội giết người:

Khoảng 12 giờ ngày 05/9/2014, tại thôn Phú Cường, xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, do mâu thuẫn cá nhân Bùi Đức Chuẩn đã có hành vi dùng súng (loại có nòng dài khoảng 80cm bắn đạn ghém) bắn nhiều phát vào xe ô tô TOYOTA INNOVA biển số 30F -4494 trong khi trên xe ô tô đó có Nguyễn Văn Hiếu sinh năm 1986 ở đội 2, thôn Trung Hòa, xã Phú Thịnh, huyện Kim Động; Vương Văn Bích sinh năm 1980 và Vương Thế Lợi sinh năm 1983 ở xã Thọ Vinh, huyện Kim Động; Nguyễn Hữu Việt sinh năm 1987 ở xóm 3, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Hậu quả làm xe ô tô bị hư hỏng, trị giá thiệt hại 3.600.000 đồng. Ngày 02/1/2014 Cơ quan CSĐT huyện Kim Động đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Đức Chuẩn về tội cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại điều 143 BLTTHS năm 1999.

Tại hồ sơ thể hiện: Bùi Đức Chuẩn khai sử dụng khẩu súng đó nhiều lần, hiểu rõ tính năng tác dụng và tầm sát thương của súng, nhận thức được dùng súng đó bắn vào xe ô tô có thể gây nguy hiểm đến tính mạng người ngồi trong xe nhưng vẫn bắn vào xe ô tô 04 phát nhằm mục đích gây thiệt hại đến tính mạng con người, thực tế không ai bị thương hoặc bị chết nằm ngoài ý thức chủ quan của Chuẩn.

Hành vi của Chuẩn phạm tội Giết người theo quy định Điều 93 (giai đoạn phạm tội chưa đạt). Do đó việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Đức Chuẩn về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại điều 143 BLHS năm 1999 là không đúng, chưa phản ánh hết tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. [49, tr2]

Vụ án Nguyễn Văn Sỹ phạm tội đánh bạc

Khoảng 21 giờ ngày 21/2/2015 tại nhà Nguyễn Đình Tuấn SN 1964 ở Tân Tiến- Văn Giang, Tuấn cùng các đối tượng Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn Cảnh, Nguyễn Thanh Bình đều trú tại thôn Phụng Trì, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang đánh bạc dưới hình thức chơi ba cây tại nền nhà giáp bàn uống nước của gia đình Tuấn. Khoảng 10 phút sau có: Nguyễn Văn Sỹ, Nguyễn Xuân Hùng, Đặng Quang Vui đều ở Phụng Trì- Tân Tiến đến nhà Tuấn chơi. Sỹ thấy ở gầm bàn uống nước

có 01 chiếc bát sứ úp trên 01 đĩa sứ, Sỹ mở chiếc bát ra thấy bên trong đĩa có 4 quân vị hình tròn. Sỹ cầm bát, đĩa, quân vị ra chiếu đã được trải sẵn ở gian giữa nhà Tuấn rồi rủ nhưng người có mặt tại nhà Tuấn chơi xóc đĩa ăn tiền; lúc này Bình, Cảnh, Nguyễn Văn Hùng thôi không chơi ba cây nữa mà sang đánh xóc đĩa cùng Sỹ, Vui, Nguyễn Xuân Hùng, trong khi đánh bạc Sỹ là người xóc cái (riêng Tuấn không tham gia chơi xóc đĩa). Khoảng 15 phút sau Sỹ hết tiền nên nghỉ không chơi xóc đĩa nữa, Nguyễn Văn Hùng thay Sỹ xóc đĩa tiếp tục đánh bạc. Sau đó Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Văn Đà, Nguyễn Văn Tường, Chu Đức Tường, Đào Hữu Minh đều ở Phương Trì- Tân Tiến và Nguyễn Khắc Minh ở Bá Khê- Tân Tiến đến nhà Tuấn cùng chơi xóc đĩa ăn tiền với nhóm Nguyễn Văn Hùng. Đến 22 giờ cùng ngày bị cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: thu trên chiếu bạc số tiền 505.000đ, 01 đĩa sứ. 01 bát sứ, 04 quân vị hình tròn đường kính mỗi quân 1,7cm; 01 chiếu cỏi; thu trong người các đối tượng tham gia đánh bạc và khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn Tuấn đã thu tại chân tủ giáp với chiếu bạc số tiền 4000.000đ, thu tại sân 05 xe mô tô. Tổng số tiền đã thu giữ 7.115.000đ trong đó có 6.615.000đ là tiền dùng đánh bạc.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang đã có Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Đánh bạc và Quyết định khởi tố bị can đối với: Tuấn, Hùng, Trường, Cảnh, Dân, Bình, Minh, Vui, Đà, Nguyễn Xuân Hùng về tội Đánh bạc theo quy định tại Điều... Riêng đối với Nguyễn Văn Sỹ, CQĐT cho rằng hành vi của Sỹ chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc do tại thời điểm Sỹ thực hiện hành vi đánh bạc, số tiền các đối tượng khai nhận sử dụng để đánh bạc dưới 2.000.000đ.

Xét thấy đây là vụ đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa do Nguyễn Văn Sỹ là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phục vụ cho việc đánh bạc và xóc cái, khi Sỹ nghỉ Hùng tiếp tục xóc cái cho những người khác đánh bạc đến khi bị bắt. Những người tham gia đánh bạc dù với thời gian dài hay ngắn, đến trước hay đến sau chỉ là yếu tố xem xét lượng hình. Hành vi của Nguyễn Văn Sỹ đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, với vai trong phạm tội tích cực, việc không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Sỹ là bỏ lọt người phạm tội. [49, tr3]

Từ hai vụ án trên cho thấy việc đánh giá không toàn diện dẫn tới việc khởi tố không đúng tội danh hoặc bỏ lọt người phạm tội. Những vi phạm nêu trên của CQĐT cũng có một phần trách nhiệm của VKS trong việc kiểm sát đánh giá chứng cứ trong từng vụ án hình sự, KSV đã không phối hợp chặt chẽ, thống nhất quan điểm đánh giá hành vi, chứng cứ với CQĐT.

- Thực trạng về tổ chức bộ máy, cán bộ của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tác động trực tiếp đến hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra VAHS.

- Đối với Cơ quan điều tra

Mô hình tổ chức CQĐT đã bộc lộ một số bất cập và nhược điểm làm ảnh hưởng đến việc thu thập, đánh giá chứng cứ. Đó là sự chia cắt, gián đoạn quá trình điều tra vụ án, là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho công tác thu thập, đánh giá chứng cứ điều tra theo tố tụng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Thực tế quá trình kiểm sát hoạt động điều tra cho thấy, lực lượng trình sát và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu (Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Lực lượng Cảnh sát biển,...) trong nhiều trường hợp là người phát hiện và thụ lý điều ban đầu, là người nắm bắt các sự kiện của vụ án. Theo qui định Điều 164 BLTTHS năm 2015 thì sau 7 ngày, kể từ khi khởi tố vụ án phải chuyển hồ sơ cho CQĐT. Chính những qui định như vậy sẽ xảy ra những tư tưởng “khi chuyển giao là hoàn thành nhiệm vụ, hết trách nhiệm” nên việc thu thập chứng cứ ban đầu không được quan tâm đúng mức. Sau khi nhận hồ sơ, CQĐT phải nghiên cứu lại từ đầu và vạch kế hoạch tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ. Chính giai đoạn chuyển giao hồ sơ vụ án này đã làm gián đoạn hoạt động điều tra, tạo điều kiện cho tội phạm đối phó với CQĐT như tiêu hủy tài liệu, vật chứng, thay đổi lời khai,... Đây là nguyên nhân để giải thích vì sao kết quả điều tra loại án này trong những năm qua tuy có được nâng lên nhưng tỷ lệ còn thấp, trong đó chủ yếu tập trung giải quyết những vụ án lớn, vụ án trọng điểm; loại án ít nghiêm trọng tỷ lệ giải quyết thấp... Tình trạng CQĐT bị quá tải, hồ sơ vụ án bị vi phạm thời hạn luật định còn xảy ra ở nhiều địa phương, nhất là những thành phố lớn. Để giải quyết tình trạng trên, có nhiều ý kiến cho rằng với mô hình và chức năng nhiệm vụ của CQĐT như

hiện nay thì biên chế ĐTV tăng lên rất nhiều. Sự chồng chéo gây phiền hà trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án cũng được bắt nguồn từ mô hình tổ chức CQĐT hiện nay. Trong thực tế đã xảy ra những trường hợp để thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án, cả ĐTV và trinh sát viên cùng một lúc tiến hành một số hoạt động trùng lặp nhau như lấy lời khai người bị tình nghi, người có liên quan... Nhiều trường hợp do không có sự phối hợp dẫn đến lãng phí thời gian, thậm chí lộ bí mật điều tra. Những vụ án có yêu cầu sử dụng các biện pháp trinh sát thì việc chuyển hóa tài liệu trinh sát thành chứng cứ mới chỉ tập trung vào một số vụ án lớn.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân

Về công tác xây dựng nguồn nhân lực nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đảm trách được nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao cho. Theo số liệu thống kê chất lượng cán bộ những năm 2015, tổng biên chế của VKSND tỉnh Hưng Yên là 162 cán bộ, trong đó: 150 người có trình độ cử nhân luật (chiếm 93% tổng biên chế); 32 người có trình độ sau đại học (chiếm 20%); 22 người có trình độ cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị.. Cơ cấu tổ chức bộ máy còn thiếu đồng bộ, thống nhất và chưa phù hợp với các đặc điểm của từng đơn vị, từng địa phương; một số đơn vị lực lượng biên chế mỏng, dàn trải; công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành ở một số đơn vị VKSND huyện thiếu tập trung, thống nhất, hiệu quả công tác chưa cao. Số lượng cán bộ, KSV chưa đáp ứng được với yêu cầu và khối lượng công việc hiện nay, nhất là đối với VKS cấp huyện. Cụ thể:

Sự quá tải về công việc đang xảy ra ở Thành phố Hưng Yên, huyện Yên Mỹ trong khi đó ở một số huyện địa bàn nhỏ, tình hình diễn biến tội phạm đơn giản thì cũng được thành lập một cơ quan độc lập, số biên chế, trang thiết bị đầy đủ nhưng cả năm chỉ giải quyết xử lý chưa đến 50 vụ án. Đây là sự bất hợp lý, gây lãng phí.

2.2.3 Nguyên nhân của những tồn tại , hạn chế về hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự.

Sở dĩ cho đến nay trong công tác kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của VKSND Hưng Yên còn tồn tại những hạn chế, yếu kém như phân tích ở trên là do các nguyên nhân sau đây:

Nguyên nhân chủ quan:

- Một số KSV khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp chưa nhận thức một cách đầy đủ, đúng đắn các yêu cầu cải cách tư pháp về vị trí, vai trò, thẩm quyền của VKS trong hoạt động tố tụng hình sự, tinh thần trách nhiệm chưa cao, có tư tưởng ngại khó, ngại gian khổ, không làm hết trách nhiệm và quyền hạn mà pháp luật giao cho dẫn đến không kịp thời phát hiện ra những thiếu sót, hạn chế và những vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án để có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh. Nhiều KSV tự vừa lòng, thỏa mãn với kinh nghiệm sẵn có nên không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, vì vậy không phát hiện được những chứng cứ còn thiếu, những mâu thuẫn của chứng cứ buộc tội và gỡ tội để yêu cầu CQĐT khắc phục, dẫn đến khi hồ sơ chuyển sang VKS hoặc VKS chuyển đến Tòa án không bảo đảm chứng cứ buộc tội hoặc còn bỏ lọt tội phạm nên phải điều tra bổ sung hoặc dẫn đến đình chỉ, truy tố oan. Đồng thời, do trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của Kiểm sát viên còn có những hạn chế nhất định. Một số Kiểm sát viên còn lúng túng trong việc áp dụng pháp luật, đánh giá chứng cứ còn phiến diện, chủ quan, chỉ quan tâm điều tra các chứng cứ buộc tội, không xem xét đánh giá toàn diện, đầy đủ các tình tiết của vụ án, do đó không đánh giá đầy đủ bản chất của vụ việc.

- Công tác điều hành, chỉ đạo nghiệp vụ của VKS các cấp trên không phải lúc nào cũng kịp thời, sâu sát và cụ thể, chủ yếu chỉ dựa trên các báo cáo của cấp dưới thường là các báo cáo định kì nên nhiều khi các vấn đề nổi cộm cần có sự chỉ đạo lại không được nắm bắt để chỉ đạo hoặc uốn nắn kịp thời, trong khi đó nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan VKS lại tập trung, thống nhất, VKS cấp dưới chịu sự lãnh đạo của VKS cấp trên trực tiếp.

- Công tác tổng kết rút kinh nghiệm, tập hợp và kiến nghị liên quan đến hoạt động kiểm sát điều tra nói chung và kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ nói riêng hiệu quả còn chưa cao, còn mang tính chiếu lệ; chất lượng kiến nghị, yêu cầu khắc phục chưa cao nên thiếu tính thuyết phục.

- Sự phối hợp giữa VKS và cơ quan bảo vệ pháp luật nhất là với cơ quan điều tra còn thiếu thường xuyên chặt chẽ dẫn đến khó khăn trong hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ; việc vận dụng chức năng còn máy móc, cục bộ, nhiều

khi do nhận thức chưa thấu đáo về mối quan hệ giữa các cơ quan, còn có tư tưởng “quyền anh, quyền tôi” hoặc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm nên hiệu quả phối hợp chưa cao; không ít các trường hợp do không thống nhất giữa các cơ quan chức năng nên đã ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Nguyên nhân khách quan:

- *Bất cập trong quy định của pháp luật*

Các quy định của pháp luật còn chung chung trong khi công tác hướng dẫn, giải thích những quy định của BLHS, BLTTHS của các cơ quan có thẩm quyền chưa được thực hiện thường xuyên. Đặc biệt là khi BLHS và BLTTHS vừa ban hành đã có rất nhiều sự thay đổi so với bộ luật trước đó theo hướng tiến bộ, khoa học và có tính khả thi cao nhằm tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tố tụng trong việc bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân đã được Hiến định. Các quy định trong BLTTHS năm 2015 liên quan trực tiếp đến việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra đã có những sự đổi mới như:

Thứ nhất, thay đổi khái niệm chứng cứ theo hướng phá thế “độc quyền” trong việc thu thập chứng cứ (hiện đang chỉ giao cho cơ quan tố tụng); theo đó, bổ sung cho người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ, người bị buộc tội có quyền đưa ra chứng cứ (Điều 86).

Thứ hai, quy định cụ thể cách thức người bào chữa thu thập chứng cứ nhằm bảo đảm tính khả thi, tránh gây khó khăn trong thực tiễn thực hiện (Điều 88).

Thứ ba, bổ sung và quy định cụ thể trách nhiệm, trình tự, thủ tục các cơ quan tố tụng tiếp nhận và đánh giá chứng cứ do những người tham gia tố tụng cung cấp (Điều 88).

Thứ tư, bổ sung vào hệ thống nguồn chứng cứ gồm: Dữ liệu điện tử; kết quả định giá tài sản; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác (Điều 87).

Thứ năm, quy định cụ thể trình tự, thủ tục thu thập, phục hồi dữ liệu điện tử nhằm bảo đảm tính khách quan, tính nguyên trạng và tính có thể kiểm chứng của loại chứng cứ đặc thù này (Điều 107).

Thứ sáu, bổ sung nguyên tắc loại trừ chứng cứ “Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án” nhằm khắc phục những biểu hiện tùy tiện, vi phạm phạm quyền con người, quyền công dân có thể xảy ra trong quá trình chứng minh về vụ án (Điều 87).

Thứ bảy, bổ sung đầy đủ những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự nhằm đặt yêu cầu đối với các cơ quan tố tụng phải tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc khách quan, toàn diện, tránh tâm lý chủ quan, một chiều trong quá trình chứng minh về vụ án; theo đó, bổ sung trách nhiệm phải chứng minh: nguyên nhân và điều kiện phạm tội, những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt (Điều 85).

Những quy định mới của BLTTHS 2015 so với BLTTHS năm 2003 đặt ra yêu cầu cao hơn đối với Kiểm sát viên trong quá trình kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự, mặt khác cũng còn những điểm quy định tại BLTTHS năm 2015 còn chưa triệt để và hiện tại cũng chưa ban hành các văn bản hướng dẫn, giải thích; một số quy định vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế nhưng chưa được thay đổi, bổ sung trong lần pháp điển hóa này.

- Công tác tổ chức, cán bộ còn chưa hợp lý, chưa khoa học

Bước vào cơ chế mới, sự tinh giảm về biên chế trong khi tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có những diễn biến phức tạp, số lượng vụ án gia tăng dẫn đến tình trạng quá tải khối lượng công việc, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

- Điều kiện cơ sở vật chất phương tiện làm việc của VKSND 2 cấp tỉnh Hưng Yên mặc dù đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư hơn trước nhưng vẫn còn nhiều thiếu thốn lạc hậu, nhất là ở các VKS cấp huyện. Đó cũng là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án hình sự.. Chế độ đãi ngộ với cán bộ không thỏa đáng, tiền lương hiện nay quá thấp so với tình hình biến động kinh tế của đất nước, không đảm bảo cuộc sống cho bản thân và gia đình của cán bộ ngành kiểm sát. Điều đó sẽ gây ra những tư

tường dao động, không an tâm công tác, làm giảm chất lượng và hiệu quả công việc đang đảm trách đồng thời có thể làm phát sinh những tiêu cực trong nghiệp vụ.

Kết luận chương 2

1. Trong chương 2, tác giả luận văn đã đề cập đến thực trạng kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên. Qua đó tác giả đã chỉ ra những yếu tố, điều kiện tự nhiên xã hội của tỉnh Hưng Yên ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh;

2. Dựa trên sự phân tích số liệu thực tế có thể thấy rằng trong 05 năm gần đây nhất mặc dù phải kham một số lượng lớn án hình sự với quy mô ngày càng lớn, tính chất ngày càng phức tạp nhưng nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nhờ quán triệt các yêu cầu của nhiệm vụ, với sự cố gắng, nỗ lực của mỗi cán bộ, Kiểm sát viên các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng yên đã biết tận dụng những thuận lợi, khắc phục khó khăn, phấn đấu và đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra VAHS nói riêng góp phần không nhỏ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của toàn ngành kiểm sát;

3. Bên cạnh những ưu điểm đó thì tác giả đã tìm ra được những tồn tại, vướng mắc trong hoạt động kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ còn nhiều thiếu sót, vi phạm về mặt tố tụng đặc biệt là công tác khám nghiệm hiện trường chưa thực hiện đúng quy định dẫn đến làm sai lệch hồ sơ, hay sự đánh giá chủ quan và nhận thức lệch lạc của KSV, ĐTV trong đánh giá chứng cứ thông qua công tác kiểm sát điều tra tại địa phương. Trên cơ sở đó đã tìm ra các nguyên nhân hạn chế bất cập làm cơ sở cho việc đưa ra giải pháp ở chương 3 của luận văn.

Chương 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG THU THẬP, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của VKS trong việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, trên cơ sở các yêu cầu cải cách tư pháp của Nhà nước ta đối với tổ chức, hoạt động của VKS và thực trạng hoạt động của VKS trong điều tra vụ án hình sự, tác giả xác định phương hướng, nhiệm vụ bảo đảm hoạt động của VKS trong việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp, trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị được xem là phù hợp, khả thi với nội dung sau:

3.1. Phương hướng nhiệm vụ bảo đảm hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp

Căn cứ vào các văn bản pháp luật cũng như thực tiễn tổ chức bộ máy nhà nước ta từ trước đến nay có thể thấy rằng Đảng và Nhà nước ta luôn luôn đánh giá đúng mức vai trò của các cơ quan tư pháp nói chung, của VKS nói riêng. Trong mọi giai đoạn cách mạng, cùng với việc đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, Đảng ta luôn chú trọng đến việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có VKS. Thời gian qua, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng đã mang đến cho đất nước ta những cơ hội và điều kiện thuận lợi mới... Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường với xu thế hội nhập cũng bộc lộ những mặt trái của nó với những ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ, là mảnh đất tốt nhất cho rất nhiều loại tội phạm phát triển với quy mô ngày càng lớn và tính chất ngày càng nguy hiểm, trong khi đó công tác quản lý nhà nước ta còn nhiều yếu kém, trình độ dân trí còn thấp và ý thức chấp hành pháp luật của người dân còn chưa cao nên nhiệm vụ đặt ra cho các cơ quan tư pháp rất nặng nề. Trong bối cảnh đó, với nhận thức về vai trò quan trọng của các cơ quan tư pháp, Đảng ta đã chủ trương cải cách tư pháp nhằm củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của nền tư pháp nước nhà. Chủ trương đúng đắn đó

thể hiện ở các chỉ thị và nghị quyết khác nhau của Bộ chính trị liên tục được ban hành: Chỉ thị 53- CT/TW ngày 21/3/2000 Về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/10/2002 Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp thời gian tới, Nghị quyết 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Các chỉ thị, nghị quyết này – nhất là Nghị quyết 08 – nghị quyết đầu tiên của Bộ chính trị về cải cách tư pháp đã đánh giá một cách khách quan tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh của đất nước, xác định rõ vị trí và tầm quan trọng của công tác tư pháp, xác định rõ nguyên nhân của các yếu kém, tồn tại trong công tác tư pháp, xác định rõ nguyên nhân của các yếu kém, tồn tại đó và nêu rõ các quan điểm chỉ đạo nhằm khắc phục để tạo ra những bước chuyển mạnh mẽ trong công tác tư pháp: Công tác tư pháp phải thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát và phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; giữ vững bản chất của Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; Công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự..., bảo vệ trật tự, kỉ cương, đảm bảo tôn trọng quyền dân chủ, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân; Các cơ quan tư pháp phải là lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp; Xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh và từng bước hiện đại, góp phần xây dựng và bảo vệ Đảng và Nhà nước.

Để đạt được các yêu cầu trên, Nghị quyết đề ra các yêu cầu nhiệm vụ của công tác tư pháp: Nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ tư pháp: nâng cao chất lượng của công tác điều tra, thực hiện tốt công tác tiếp nhận; xử lý tin báo, tố giác tội phạm, nghiên cứu các giải pháp nhằm hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can trong một số loại tội. VKS thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động

tư pháp; hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội; tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, tạm giam thuộc thẩm quyền phê chuẩn của mình...; nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa...; xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh....; tăng cường các cán bộ chủ chốt của các cơ quan tư pháp, chú trọng đề bạt những cán bộ tư có quan điểm chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đã được đào tạo cơ bản và có kinh nghiệm trong thực tiễn công tác đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo các cơ quan tư pháp...; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp...;

Thực hiện tinh thần của các chỉ thị, nghị quyết nêu trên, Hiến pháp và nhiều bộ luật liên quan đến công tác tư pháp nói chung, đến công tác VKS nói riêng như Luật Tổ chức VKS, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, BLTTHS, BLHS... đã được sửa đổi, bổ sung với những nội dung phù hợp, thể chế hóa các quan điểm và đường lối chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp.

Tiếp tục tiến trình cải cách tư pháp, ngày 02/6/2005 Bộ chính trị ban hành Nghị quyết 49- NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đây là sự thể hiện quyết tâm của Đảng trong cải cách tư pháp. Trên cơ sở đánh giá đúng mức các kết quả đạt được của việc thực hiện Nghị quyết 08 đồng thời Nghị quyết xác định:

Nhiệm vụ cải cách tư pháp đứng trước nhiều thách thức. Tình hình tội phạm diễn biến phức tạp với tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng, các khiếu kiện hành chính, các tranh chấp... có chiều hướng gia tăng về số lượng và phức tạp, đa dạng hơn. Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan tư pháp ngày càng cao; các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm và vi phạm.

Nghị quyết nhấn mạnh các quan điểm cải cách tư pháp như tại Nghị quyết 08 và tiếp tục khẳng định mục tiêu và quyết tâm của Đảng cải cách tư pháp: “ Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng

bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, đề ra phương hướng của cải cách tư pháp và các nhiệm vụ của cải cách tư pháp.

Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp với các mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; giảm hình phạt tù, mở rộng hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm; hạn chế áp dụng hình phạt tử hình, giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm; khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm, quy trách nhiệm xử lý nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có chức vụ; xây dựng cơ chế phát huy sức mạnh của nhân dân, các tổ chức quần chúng trong phát hiện, phòng ngừa tham nhũng...; phân định và tăng quyền và trách nhiệm cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán; xác định rõ các căn cứ tạm giam, thu hẹp đối tượng và có thẩm quyền quyết định việc áp dụng biện pháp tạm giam..., VKSND giữ nguyên chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; nghiên cứu chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra...

Tại báo cáo Kết quả tổng kết 8 năm thực hiện nghị quyết số 49- NQ/TW của Bộ chính trị trong ngành kiểm sát nhân dân khẳng định qua 08 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW bước đầu tạo nên diện mạo mới cho nền tư pháp quốc gia và các cơ quan tư pháp nói chung, trong đó có Viện kiểm sát nhân dân. Trong hoạt động của Viện kiểm sát các cấp, chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp được nâng lên rõ rệt; đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên từng bước trưởng thành, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tiến trình cải cách tư pháp. Tuy nhiên, nhiệm vụ cải cách tư pháp đã và đang đặt ra yêu cầu rất cao, đòi hỏi toàn Ngành phải tiếp tục nỗ lực, cố gắng nhiều hơn nữa để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đối với hoạt động kiểm sát điều tra nói chung và kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra nói riêng VKS đã có sự phân công Kiểm sát viên luôn bám sát quá trình điều tra vụ án; kiểm sát chặt chẽ việc thu thập, đánh giá chứng cứ của CQĐT, điều chỉnh kịp thời các vi phạm trong quá trình điều tra,

đảm bảo việc thu thập, đánh giá chứng cứ đúng pháp luật, các căn cứ bắt giữ, khởi tố, định tội danh đúng người, đúng tội; kiên quyết trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm khắc phục thiếu sót, vi phạm trong quá trình điều tra, ban hành nhiều kiến nghị yêu cầu CQĐT áp dụng biện pháp khắc phục và phòng ngừa.

Về phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp đã được xác định trong Chương trình công tác cải cách tư pháp của ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2011 - 2016, toàn Ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực hoạt động tư pháp; đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng xây dựng 02 dự án Luật quan trọng là Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi) và Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) theo đúng Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành xây dựng các Luật, Pháp lệnh khác trong lĩnh vực hoạt động tư pháp. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát các cấp. Thực hiện các biện pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, thực hiện nghiêm túc và hiệu quả Nghị quyết số 37 của Quốc hội và các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước; khắc phục những tồn tại, hạn chế và thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được Quốc hội giao. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên trong sạch, vững mạnh, trung thành với sự nghiệp của Đảng, dũng cảm đấu tranh bảo vệ công lý, pháp luật xã hội chủ nghĩa; có trách nhiệm, bản lĩnh và lương tâm nghề nghiệp. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành nhằm xây dựng, tôn vinh hình ảnh về ngành Kiểm sát. Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trụ sở, trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc cho Viện kiểm sát các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.2. Giải pháp tăng cường các biện pháp bảo đảm triển khai thực hiện Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Qua hơn 10 năm thi hành, BLTTHS năm 2003 đã tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện chức năng,

nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, hạn chế oan, sai và bỏ lọt tội phạm, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa, bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong tố tụng hình sự. BLTTHS đã khẳng định vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, từ thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 cũng đã bộc lộ vướng mắc, bất cập. Đặc biệt, trong các quy định liên quan đến việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự vẫn còn bất cập, chưa phù hợp với diễn biến tình hình tội phạm, chưa thể hiện được yêu cầu tranh tụng đã trở thành nguyên tắc Hiến định và chưa theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại, chủ yếu vẫn chỉ ghi nhận những nguồn chứng cứ truyền thống, chưa công nhận là chứng cứ đối với các dữ liệu điện tử được thu thập từ mạng in-tơ-nét, từ các thiết bị điện tử, các quy định về đánh giá chứng cứ còn rất chung chung và vai trò của kiểm sát viên trong việc kiểm sát các hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ còn khá mờ nhạt... Sự ra đời của BLTTHS năm 2015 có đã thực sự khắc phục được phần lớn những hạn chế, tồn tại của BLTTHS năm 2003 về những quy định liên quan đến chứng cứ, thu thập, đánh giá chứng cứ cũng như sự tham gia của VKS trong hoạt động này. Cụ thể:

Một là, Ban hành quyết định về quy chế kiểm sát điều tra thay thế cho quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC về quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra vụ án hình sự để phù hợp với BLTTHS năm 2015 theo hướng:

- Quy định về chứng cứ, thu thập, đánh giá chứng cứ

BLTTHS năm 2003 quy định nguồn chứng cứ chưa thật đầy đủ, làm hạn chế khả năng thu thập và sử dụng chứng cứ, gây khó khăn, lúng túng cho VKS trong quá trình kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ khoa học kỹ thuật, công nghệ nên tội phạm sử dụng những thành tựu khoa học để gây án và che giấu hành vi phạm tội của mình một cách rất tinh vi, với phương pháp

điều tra và kiểm sát điều tra thông thường, truyền thống không sử dụng những biện pháp kỹ thuật, công nghệ thì khó có thể phát hiện tội phạm, chứng minh tội phạm. Do đó, cơ quan tiến hành tố tụng ngày càng hiện đại hóa về mọi mặt để điều tra, phòng chống tội phạm, ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học và công nghệ vào quá trình phát hiện, thu thập chứng cứ, góp phần to lớn vào việc nâng cao hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội phạm. “BLTTHS quy định nguồn chứng cứ chủ yếu theo “truyền thống” như văn bản, dấu vết hiện trường... Nhưng ở thời đại công nghệ thông tin, nhiều dấu vết tội phạm chỉ tìm thấy được dưới dạng mã hóa trong các thiết bị điện tử. Để tháo gỡ vướng mắc từ thực tiễn, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại và yêu cầu hội nhập quốc tế, BLTTHS năm 2015 bổ sung vào hệ thống nguồn chứng cứ gồm: (1) Dữ liệu điện tử; (2) Kết luận định giá tài sản; (3) Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác trong đấu tranh chống tội phạm.

Và để đáp ứng các yêu cầu của chứng cứ về tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về loại trừ chứng cứ, theo đó: “Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự”..

- *Quy định bắt buộc Kiểm sát viên phải có mặt khi CQĐT tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét* (các điều 189, 190, 191, 193, 201, 202, 204). Quy định bắt buộc Kiểm sát viên phải hỏi cung khi bị can kêu oan, bị can khiếu nại hoặc khi phát hiện hoạt động điều tra vi phạm pháp luật (Điều 183). Đồng thời, để kiểm sát kịp thời, đầy đủ hoạt động điều tra, Bộ luật quy định: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án, CQĐT có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện kiểm sát để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án. Trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày. Trong thời hạn 03 ngày, Viện kiểm sát đóng dấu bút lục và sao lưu biên bản, tài liệu lưu hồ sơ kiểm sát và bàn giao nguyên trạng tài liệu, biên bản đó cho CQĐT (Điều 88).

- *Bổ sung đầy đủ các biện pháp điều tra nhằm đáp ứng yêu cầu phát hiện tội phạm, như:* biện pháp nhận biết giọng nói, định giá tài sản, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Quy định chặt chẽ căn cứ và thủ tục tiến hành các biện pháp điều tra có ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của con người, của công dân, như: Biện pháp khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu (Chương XIII). Quy định bắt buộc phải ghi âm, ghi hình khi hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra (CQĐT) nhằm phản ánh trung thực quá trình hỏi cung, chống bức cung, nhục hình, đồng thời là căn cứ quan trọng để bảo vệ các cán bộ tư pháp đã tiến hành tố tụng đúng luật (Điều 183).

- *Hoàn thiện chế định giám định tư pháp*

Thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 chỉ ra nhiều hạn chế xung quanh chế định này. Bộ luật chỉ dành 05 điều để quy định về giám định là chưa tương xứng với tầm quan trọng và tính chất phức tạp của vấn đề. Việc thiếu quy định về thời hạn đang là một trong những nguyên nhân dẫn đến chậm trễ trong giám định hiện nay; thiếu cơ chế giải quyết xung đột trong trường hợp có nhiều kết luận khác nhau về cùng một đối tượng trung cầu, làm bó tay các cơ quan tiến hành tố tụng... Nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn BLTTHS năm 2015 đã có những điều chỉnh quan trọng. Xây dựng 10 điều luật điều chỉnh đầy đủ các nội dung liên quan đến giám định; bổ sung đầy đủ những vấn đề cần phải trung cầu giám định; phân nhóm hợp lý các vấn đề cần trung cầu và quy định thời hạn giám định cho từng nhóm; bổ sung những người có quyền yêu cầu giám định trên cơ sở giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự với việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng; xác lập cơ chế nhằm kiểm soát chặt chẽ quá trình trung cầu và sử dụng kết quả giám định; theo đó, quy định trách nhiệm của cơ quan trung cầu giám định trong thời hạn 24 giờ phải gửi quyết định trung cầu giám định và kết luận giám định cho Viện kiểm sát, trong thời hạn 7 ngày phải thông báo kết luận giám định cho người tham gia tố tụng; quy định cụ thể thành phần và thủ tục giám định bổ sung và giám định lại; bổ sung cơ chế nhằm giải quyết xung đột giữa các kết luận giám định; theo đó, quy định trong trường hợp đặc biệt, Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND tối cao có quyền

quyết định giám định lại và kết luận giám định trong trường hợp này có hiệu lực để giải quyết vụ án.

Những sửa đổi, bổ sung nêu trên sẽ tháo gỡ căn bản những vướng mắc trong công tác giám định. Đồng thời, đặt ra trách nhiệm cao hơn cho cơ quan tố tụng và cơ quan giám định phải phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm nguyên tắc kịp thời, chính xác, tiết kiệm trong tố tụng hình sự.

- *Luật hóa các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*

Trước khi BLTTHS năm 2015 ra đời biện pháp điều tra đặc biệt (biện pháp nghiệp vụ) mới chỉ được đề cập có tính nguyên tắc trong các luật chuyên ngành (Luật An ninh quốc gia, Điều 24; Luật Phòng, chống ma túy (Điều 13) và giao cho Chính phủ quy định cụ thể. Do BLTTHS chưa quy định biện pháp điều tra đặc biệt nên chưa phát huy cao hiệu quả của các biện pháp này, nhiều trường hợp lãng phí nguồn chứng cứ quan trọng có ý nghĩa trực tiếp chứng minh tội phạm. Trên thực tế, các Điều tra viên một mặt phải đối diện với những rủi ro trong quá trình đấu tranh chống tội phạm, nhưng đồng thời cũng gặp không ít khó khăn trong việc chuyển hóa chứng cứ để được pháp luật công nhận. Đặc biệt, trước yêu cầu của Hiến pháp năm 2013: Mọi biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân phải do luật định đã đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu và xử lý nghiêm túc thấu đáo vấn đề này.

Trên cơ sở cân nhắc các điều kiện cụ thể của nước ta về mọi mặt, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, các cam kết quốc tế của Việt Nam và tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung một chương mới để luật hóa biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Thứ nhất, các biện pháp được phép áp dụng bao gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử (Điều 223). Thứ hai, quy định chặt chẽ các trường hợp áp dụng chỉ đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền.

Những sửa đổi, bổ sung và những quy định mới trong BLTTHS năm 2015 về thu thập, đánh giá chứng cứ đã khắc phục được cơ bản những tồn tại, hạn chế của BLTTHS năm 2003, đồng thời đảm bảo việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của VKS được thực hiện có hiệu quả

nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan cho người vô tội, góp phần bảo vệ XHCN, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Để nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự phù hợp với những thay đổi của BLTTHS năm, cần phải nhanh chóng ban hành những văn bản giải thích, hướng dẫn thực hiện BLTTHS năm 2015 đặc biệt liên quan đến những quy định như sự tham gia của luật sư và một số người tham gia tố tụng khác trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ, hoạt động ghi âm, ghi hình trong hỏi cung bị can, hoạt động định giá tài sản, nhận biết giọng nói...Đồng thời, nhanh chóng ban hành quyết định về quy chế kiểm sát điều tra thay thế cho quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC về quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra vụ án hình sự để phù hợp với BLTTHS năm 2015.

Cụ thể là:

Thứ nhất, về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc hỏi cung bị can

- Kiểm sát viên chủ động bàn với Điều tra viên kế hoạch và đề ra yêu cầu hỏi cung bị can ngay sau khi khởi tố bị can để làm rõ những vấn đề liên quan đến tội phạm đã khởi tố; *yêu cầu Điều tra viên thông báo cho Kiểm sát viên, người bào chữa biết trước thời gian, địa điểm hỏi cung để có thể tham gia.* Nếu thấy việc hỏi cung chưa đạt yêu cầu hoặc có vấn đề mới phát sinh thì Kiểm sát viên tiếp tục nêu yêu cầu để Điều tra viên hỏi cung làm rõ. Kiểm sát viên, *Kiểm tra viên* kiểm sát chặt chẽ việc hỏi cung bị can và việc lập biên bản hỏi cung bị can của Điều tra viên, *Cán bộ điều tra* bảo đảm việc hỏi cung và lập biên bản hỏi cung bị can thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại *Điều 183 và Điều 184* Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Trong quá trình điều tra vụ án, Kiểm sát viên trực tiếp hỏi cung bị can *trong trường hợp bị can kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.* Trước khi hỏi cung, Kiểm sát viên phải báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Lãnh đạo đơn vị kiểm sát điều tra để xin ý kiến chỉ đạo và thông báo trước cho Điều tra viên biết.

- Sau khi kết thúc điều tra, nhận hồ sơ vụ án từ Cơ quan điều tra chuyển sang, Kiểm sát viên có thể trực tiếp hỏi cung bị can để kiểm tra tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Việc hỏi cung bị can và lập biên bản hỏi cung bị can do Kiểm sát viên tiến hành phải thực hiện theo đúng quy định tại *Điều 183 và Điều 184* Bộ luật tố tụng hình sự. Biên bản hỏi cung bị can của Kiểm sát viên phải được đưa vào hồ sơ vụ án và sao lưu hồ sơ kiểm sát 01 bản

Thứ hai, về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc đối chất, nhận dạng

- Trong quá trình kiểm sát điều tra, nếu thấy có mâu thuẫn trong lời khai giữa bị can, người bị hại, người làm chứng, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án *mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn*, hoặc khi cần thiết phải nhận dạng người hay đồ vật, Kiểm sát viên yêu cầu Điều tra viên tiến hành việc đối chất hoặc nhận dạng;

- *Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Lãnh đạo đơn vị kiểm sát điều tra phân công Kiểm sát viên kiểm sát việc đối chất, nhận dạng. Trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt, không tham gia đối chất, nhận dạng được phải báo cáo người đã phân công và thông tin kịp thời cho Điều tra viên để ghi rõ lý do trong biên bản đối chất, nhận dạng;*

- Kiểm sát viên kiểm sát chặt chẽ việc đối chất hoặc nhận dạng, bảo đảm các hoạt động này được thực hiện theo đúng các quy định tại *Điều 189 và Điều 190* Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên trực tiếp hoặc phối hợp cùng Điều tra viên tiến hành việc đối chất. Khi trực tiếp tiến hành đối chất, Kiểm sát viên thông báo trước cho Điều tra viên biết.

Sau khi kết thúc điều tra, Viện kiểm sát đó nhận hồ sơ vụ án, nếu thấy có mâu thuẫn trong lời khai của những người tham gia tố tụng thì Kiểm sát viên có thể tiến hành đối chất để làm rõ mà không phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung. Nếu thấy cần phải nhận dạng thì Kiểm sát viên báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Kiểm sát viên được Viện trưởng *phân công* ra văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành việc nhận dạng và *kiểm sát chặt chẽ việc nhận dạng của cơ quan điều tra*. Việc đối chất và lập biên bản đối chất do Kiểm sát viên tiến hành phải được

thực hiện theo đúng quy định tại *Điều 178 và Điều 189* Bộ luật tố tụng hình sự. Biên bản đối chất phải được đưa vào hồ sơ vụ án và sao, lưu hồ sơ kiểm sát 01 bản.

Thứ ba, Về kiểm sát hoạt động hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc nhận biết giọng nói:

- Trong quá trình kiểm sát điều tra, khi cần thiết phải nhận biết giọng nói, Kiểm sát viên yêu cầu Điều tra viên tiến hành việc nhận biết giọng nói giữa người bị hại, người làm chứng, hoặc người bị bắt, bị tạm giữ, bị can

- Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Lãnh đạo đơn vị kiểm sát điều tra phân công Kiểm sát viên kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt, không tham gia việc nhận biết giọng nói phải báo cáo người đã phân công và thông tin kịp thời cho Điều tra viên để ghi rõ lý do trong biên bản nhận biết giọng nói.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ việc nhận biết giọng nói theo quy định tại *Điều 191* Bộ luật tố tụng hình sự

Thứ tư, Về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc áp dụng các biện pháp điều tra đặc biệt

- Đối với việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nắm chắc loại tội phạm được áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử quy định tại *Điều 223, 224, 225* Bộ luật tố tụng hình sự để báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Kiểm sát viên được Viện trưởng phân công ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

- Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ việc thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, sử dụng thông tin, tài liệu thu thập bằng biện pháp này theo quy định tại *Điều 226, 227* Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên, kiểm tra viên báo cáo đề xuất Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Lãnh đạo đơn vị kiểm sát điều tra để có yêu cầu Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Khi có một trong các căn cứ quy định tại *Điều 228* Bộ luật tố tụng hình sự, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kịp thời báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Kiểm sát viên được Viện

trưởng phân công ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Thứ năm, kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật.

Thay đổi, bổ sung theo hướng quy định: Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Lãnh đạo đơn vị kiểm sát điều tra phân công Kiểm sát viên kiểm sát việc khám xét đối với tất cả các trường hợp khám xét (trừ trường hợp khám xét khẩn cấp). Trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt, không tham gia khám xét phải báo cáo người đã phân công và thông tin kịp thời cho Điều tra viên để ghi rõ lý do trong biên bản khám xét.

Thứ sáu, kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ từ việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và thực nghiệm điều tra, giám định

Các nội dung cụ thể về công tác kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và thực nghiệm điều tra được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, việc tiến hành giám định ban hành kèm theo quyết định số 421/QĐ-VKSTC ngày 17/10/2014 và BLTTHS 2015. Tuy nhiên để phù hợp với sự ra đời của BLTTHS 2015 quy chế kiểm sát các hoạt động này cũng cần được bổ sung, thay đổi theo hướng:

- *Kiểm sát việc thực nghiệm điều tra*

Kiểm sát viên báo cáo với Lãnh đạo đơn vị để ra văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra đối với những vụ án cần kiểm tra và xác minh những tài liệu, tình tiết liên quan có ý nghĩa đối với vụ án. Kiểm sát viên cần nghiên cứu nội dung, kế hoạch thực nghiệm điều tra, kiểm sát việc thực nghiệm điều tra, bảo đảm việc thực nghiệm điều tra và lập biên bản thực nghiệm điều tra tuân thủ đúng các quy định tại Điều 133, 178 và Điều 204 BLTTHS;

- *Khám nghiệm tử thi.*

Trong quá trình khám nghiệm, Kiểm sát viên phải yêu cầu Hội đồng khám nghiệm tiến hành xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các dấu vết. Đồng thời thu giữ các tài liệu, vật chứng có liên quan đảm bảo có căn cứ để làm rõ nguyên nhân chết, xác định tung tích của nạn nhân.

- *Về Giám định*

Bổ sung quy định, Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ thời hạn ra kết luận giám định đảm bảo theo quy định tại Điều 208 BLTTHS.

Hai là, hoàn thiện một số quy định của BLTTHS năm 2015

Mặc dù BLTTHS năm 2015 đã giải quyết được hàng loạt các vấn đề tồn tại, vướng mắc về việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ của BLTTHS năm 2003, tuy nhiên ở một số quy định vẫn chưa được BLTTHS năm 2015 giải quyết một cách triệt để như quy định về nguồn chứng cứ, kiểm tra, đánh giá chứng cứ... Để nâng cao chất lượng hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự cần hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung một số qui định của BLTTHS trong lần pháp điển hóa sau theo hướng như sau:

- *Sửa đổi, bổ sung về nguồn chứng cứ*

Tại điểm g khoản 1 Điều 87 BLTTHS năm 2015 quy định một số loại nguồn, trong đó có các tài liệu, đồ vật khác. Quy định này mặc dù được cụ thể hơn trong Điều 102 nhưng vẫn chưa rõ và khó hiểu. Bởi vậy, cần phải sửa đổi bổ sung bằng cách thay cụm từ “các tài liệu, đồ vật khác” ở điểm g khoản 1 Điều 87 BLTTHS bằng cụm từ “ Các tài liệu, đồ vật do cơ quan tổ chức và cá nhân cung cấp có những tình tiết liên quan đến vụ án”. Bổ sung vào cuối Điều 89 BLTTHS với nội dung như sau: “Những tài liệu, đồ vật do cơ quan tổ chức và cá nhân cung cấp có những đặc điểm nói trên thì cũng được coi là vật chứng”. Quy định này sẽ cụ thể và rõ ràng hơn, đồng thời bỏ Điều 104 BLTTHS năm 2015.

- *Sửa đổi, bổ sung Điều 108 BLTTHS năm 2015*

Điều 108. Kiểm tra, đánh giá chứng cứ

Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá chứng cứ trên cơ sở những hiểu biết của mình và dựa trên cơ sở qui định của pháp luật, ý thức và niềm tin nội tâm để xác định độ tin cậy, giá trị chứng minh của từng chứng cứ và tổng hợp các chứng cứ trong vụ án, nhằm làm sáng tỏ toàn bộ sự thật của vụ án một cách khách quan toàn diện và đầy đủ”.

Căn cứ để đánh giá chứng cứ phải dựa vào các qui định của Bộ luật hình sự, BLTTHS, các văn bản pháp luật khác, ý thức pháp luật, niềm tin nội tâm để xác định

hành vi phạm tội nhưng Điều 108 BLTTHS năm 2015 không nêu lên các căn cứ phải dựa vào để đánh giá chứng cứ là thiếu sót. Qui định về đánh giá chứng cứ tại Điều 108 BLTTHS mới chỉ nêu lên được nguyên tắc chung về việc đánh giá chứng cứ “nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả các tình tiết của vụ án” (khoản 2 Điều 108 BLTTHS). Đồng thời cụm từ “ Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá chứng cứ...” được qui định trong điều luật này là cụm từ còn chung chung mang tính chủ quan chưa thể hiện được tiêu chuẩn của việc đánh giá chứng cứ. Bởi lẽ, một vấn đề còn tranh luận là tiêu chuẩn để xác định độ tin cậy và giá trị chứng minh của các chứng cứ phải là những cơ sở khoa học, cơ sở pháp luật mà dựa vào đó các chủ thể đánh giá xác định đầy đủ các thuộc tính của chứng cứ cũng như ý nghĩa chứng minh của từng chứng cứ và toàn bộ các chứng cứ nói chung đối với việc xác định sự thật của vụ án.

- *Hoàn thiện các qui định về hỏi cung bị can*

+ Thay thế từ “nơi ở” trong khoản 1 Điều 183 BLTTHS bằng cụm từ “nơi cư trú”. Khoản 1 Điều 131 BLTTHS qui định: “Việc hỏi cung bị can phải do ĐTV tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. Có thể hỏi cung bị can tại nơi tiến hành điều tra hoặc tại nơi ở của người đó”. Nơi ở là nơi một hộ hay một người đang cư trú, nhà riêng hoặc là buồng, khu vực hoặc cơ quan, xí nghiệp đã phân cho cá nhân là chỗ ở riêng, hoặc các buồng ở, phòng ở, nhà trọ, khách sạn đã được cá nhân thuê để ở riêng hoặc là các phương tiện vận tải như xe, tàu thuyền đang được cá nhân sử dụng để ở. Việc qui định địa điểm hỏi cung là nơi ở làm bó hẹp khả năng áp dụng hoạt động hỏi cung. Vì theo qui định của Bộ luật dân sự thì nơi cư trú của một người bao gồm cả chỗ ở và nơi làm việc.

- *Hoàn thiện quy định về việc lấy lời khai của người làm chứng*

Qua nghiên cứu các nguồn chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự cho thấy lời khai của người làm chứng là một yếu tố không thể thiếu trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ của CQĐT. Có thể nói trong hầu hết các vụ án bị khởi tố, điều tra đều có sử dụng nguồn chứng cứ “Lời khai người làm chứng” để giải quyết vụ án. Thực tiễn quá trình KSĐT, có những vụ án VKS từ chối đề nghị phê chuẩn các lệnh,

quyết định tố tụng như bắt, tạm giam, khởi tố bị can,... của CQĐT; hoặc VKS yêu cầu CQĐT tiếp tục bổ sung, củng cố thêm chứng cứ, trong đó đặc biệt lấy lời khai người làm chứng. Điều đó cho thấy vai trò lời khai người làm chứng có giá trị pháp lý rất lớn và vô cùng quan trọng trong việc xác định chứng cứ buộc tội cũng như gỡ tội. Nhưng thực tiễn khi tiến hành điều tra, kiểm sát điều tra cho thấy vấn đề bảo đảm quyền lợi người làm chứng chưa được quan tâm đúng mức, trong đó một phần do ý chí của cơ quan tiến hành tố tụng, một phần do những qui định của luật chưa đề cao, ghi nhận vai trò của họ và chưa có biện pháp, trách nhiệm bảo vệ để họ an tâm khai báo. Để giải quyết vấn đề này, theo quan điểm của chúng tôi nên sửa đổi bổ sung các nội dung tại Điều 66 BLTTHS. Theo qui định khoản 3 Điều 66 BLTTHS qui định người làm chứng có quyền “Yêu cầu cơ quan triệu tập họ bảo vệ tính mạng, sức khỏe danh dự nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia tố tụng, người thân thích của mình khi bị đe dọa”. Vì vậy, phải sửa đổi theo hướng bảo đảm tốt nhất về quyền lợi cho người làm chứng cần phải qui định thêm trách nhiệm của cơ quan lấy lời khai người làm chứng.

Bổ sung khoản 3 Điều 66 BLTTHS năm 2015: “Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm bảo đảm tính mạng sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, cho người làm chứng và trong trường hợp tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm bị xâm hại thì nhà nước phải bồi thường”.

Bổ sung Điều 186 BLTTHS năm 2015: “Trong quá trình lấy lời khai người làm chứng, nếu xét thấy cần thiết, hoặc có yêu cầu của người làm chứng, các cơ quan tiến hành tố tụng phải giữ bí mật cho người làm chứng; người làm chứng có quyền khiếu nại với các cơ quan tiến hành tố tụng khi những người tiến hành tố tụng không bảo đảm quyền lợi của họ theo luật định trong thời gian họ giữ vai trò là người làm chứng; xử lý nghiêm khắc những người cản trở, đe dọa, trả thù người làm chứng khai báo sự thật”.

Bổ sung khoản 3 Điều 66 BLTTHS với nội dung qui định về quyền của người làm chứng không bị bắt buộc phải làm chứng hoặc phải khai báo những tình tiết bất lợi nghiêng về phía buộc tội người thân trong gia đình như ông bà, cha mẹ, anh chị em ruột, vợ chồng con cháu hoặc những lời khai đó trở thành những chứng

cứ chống lại họ. Cần có chính sách cụ thể về khen thưởng vật chất, tinh thần để khuyến khích họ, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan tiếp nhận tin về bí mật thông tin, có trách nhiệm bảo vệ người tố giác tội phạm. Để làm được việc này, Nhà nước cần dành một khoản kinh phí nhất định cho việc bảo vệ nhân chứng, lực lượng Công an cũng phải có những đơn vị chuyên trách bảo vệ nhân chứng để bảo vệ họ khi cần thiết. Như vậy, người dân mới tin và mạnh dạn hợp tác với cơ quan chức năng trong cuộc đấu tranh chống tội phạm.

- Hoàn thiện các qui định về khám nghiệm hiện trường, xem xét dấu vết trên thân thể.

Đối với quy định về khám nghiệm hiện trường cần phải thay thế cụm từ “tham dự” tại khoản 2 Điều 201 BLTTHS năm 2015 bằng cụm từ “tham gia” để thể hiện rõ vai trò của các nhà chuyên gia trong hoạt động khám nghiệm hiện trường mà hiện nay chúng ta chưa quan tâm đúng mức.

Đối với hoạt động xem xét dấu vết trên thân thể theo qui định của Điều 203 BLTTHS năm 2015 cần bổ sung vào qui định ngoài Điều tra viên thì các chức danh có nhiệm vụ quản lý người bị tạm giữ của Cơ quan cảnh sát hỗ trợ tư pháp có quyền tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể của người bị bắt, tạm giữ, bị can, để vừa đảm bảo việc ghi nhận thương tật, dấu vết ban đầu làm cơ sở cho hoạt động điều tra tiếp theo vừa kịp thời áp dụng các biện pháp chữa trị cần thiết cho người bị thương tật, đồng thời nghiêm cấm mọi hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc sức khỏe của người được xem xét dấu vết.

- Hoàn thiện các qui định về khám xét

Tại khoản 1 Điều 193 BLTTHS năm 2015 cần sửa đổi theo hướng:

- + Bổ qui định phê chuẩn của VKS trước khi thi hành lệnh khám xét.
- + Bổ sung qui định về trách nhiệm của CQĐT, ĐTV đối với hoạt động ban hành lệnh cũng như thi hành lệnh khám xét thay vì là trách nhiệm của VKS, KSV.

Bởi vì, lệnh khám xét cũng như lệnh bắt khẩn cấp cần phải thi hành ngay, bảo đảm việc thu thập chứng cứ, tránh trường hợp tẩu tán, phi tang vật chứng, đặc biệt là các vật chứng từ các máy tính, hộp thư điện tử, dấu vết hình sự, dễ bị mất hoặc bị xóa trong tích tắc, trong khi đó khoản 1 Điều 193 BLTTHS năm 2015 qui định lệnh

khám xét phải được VKS phê chuẩn trước khi thi hành nhưng lại không qui định trong thời gian bao nhiêu là VKS phê chuẩn sau khi nhận được đề nghị của CQĐT, là không hợp lý. Bởi pháp luật qui định chế tài về những quyết định phê chuẩn trái pháp luật của VKS nên KSV càng thận trọng trong việc đọc và nghiên cứu hồ sơ vụ án thật kỹ trước khi đề xuất người có thẩm quyền ký ban hành; và điều này đã làm hạn chế việc nhanh chóng hoàn tất các thủ tục để thi hành lệnh khám xét khẩn cấp. Trong khi đó ĐTV được đào tạo về nghiệp vụ là người trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm nên có đủ khả năng đưa ra quyết định khám xét của mình và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Mặt khác so với CQĐT thì VKS không đủ người để phải giám sát công việc này của CQĐT, nếu việc khám xét rơi vào ngày lễ, ngày nghỉ thì rất khó khăn cho việc phân công cán bộ tiếp xúc hồ sơ để nghiên cứu phê chuẩn hay không phê chuẩn.

3.3. Các giải pháp khác

3.3.1. Giải pháp kiến nghị về tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức tập huấn nghiệp vụ và tổng kết rút kinh nghiệm

- Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất, mọi hoạt động của ngành đều do Viện trưởng thống nhất chỉ đạo, vì vậy cần nâng cao vai trò lãnh đạo của Viện trưởng trong công tác kiểm sát hoạt động điều tra, kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra. Cụ thể là cần tăng cường hơn nữa vai trò chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tỉnh đối với Viện trưởng Viện kiểm sát cấp huyện trong công tác kiểm sát hoạt động điều tra, kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, Viện trưởng Viện kiểm sát hai cấp phải có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, rành mạch cho từng bộ phận công tác và cho mỗi cán bộ, kiểm sát viên một cách khoa học và hợp lý, nhằm phát huy hết năng lực, sở trường của họ; đảm bảo sự phối kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các bộ phận công tác. Đồng thời phải nắm được đầy đủ, sâu sát và toàn diện từng vấn đề, từng nội dung công việc, nhất là những vấn đề quan trọng, phức tạp để chỉ đạo kịp thời, chính xác theo đúng pháp luật. Việc nâng cao trách nhiệm của Viện trưởng cần được đặt trong quan hệ nâng cao quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm sát viên. Mỗi quan hệ này cần được giải quyết

hài hòa tránh xảy ra tình trạng, hoặc quá coi trọng trách nhiệm của Viện trưởng mà hạ thấp vai trò của kiểm sát viên, dẫn đến Kiểm sát viên thụ động, ỷ lại cho Viện trưởng hoặc ngược lại, quá coi trọng quyền hạn của Kiểm sát viên mà bỏ quên trách nhiệm của Viện trưởng. Điều quan trọng là phải phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của Viện trưởng với quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm sát viên. Cần phải tạo điều kiện pháp lý và điều kiện thực tế để Kiểm sát viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

- Thực hiện thường xuyên, liên tục công tác kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn công tác kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra VAHS cho VKS cấp huyện. Các đề tài khoa học, chuyên đề nghiệp vụ về kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra cần đề cao việc áp dụng thực tiễn. Những vấn đề thịnh thị của cấp huyện về những khó khăn vướng mắc như định tội danh, quan điểm xử lý vụ án, cấp trên cần trả lời chính xác, đúng thời hạn và dám chịu trách nhiệm trong nội dung trả lời, tránh chung chung thiếu tính khoa học và tính thuyết phục. Việc kiểm tra hướng dẫn chuyên môn phải được làm thường xuyên tránh hình thức, thông qua công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện những thiếu sót, để từ đó uốn nắn rút kinh nghiệm chung.

- Thực hiện tốt các chế độ thông tin báo cáo nghiệp vụ theo đúng quy chế của VKSNDTC, nâng cao chất lượng báo cáo, tăng cường báo cáo, truyền số liệu qua mạng internet để tiết kiệm thời gian và kinh phí. Đồng thời khắc phục tình trạng chạy theo thành tích mà không báo cáo đầy đủ kết quả công tác đặc biệt là những thiếu sót tồn tại. Tăng cường nắm tình hình thông qua dư luận quần chúng nhân dân, trên các phương tiện thông tin đại chúng để có biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời trong công tác kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra.

- Kịp thời khen thưởng đối với những cá nhân có thành tích, sáng tạo trong công tác, xử lý nghiêm những cá nhân do thiếu trách nhiệm mà vi phạm kỷ luật nghiệp vụ một cách công khai minh bạch, dân chủ và khách quan.

3.3.2. Đổi mới công tác tổ chức cán bộ, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về tư tưởng, đạo đức và nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế

Công tác tổ chức, cán bộ trong ngành kiểm sát Hưng yên là khâu then chốt, đột phá đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KSĐT các vụ án hình sự trong đó có hoạt động kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ. Đổi mới các công tác tổ chức cán bộ, đòi hỏi phải có những chủ trương, chính sách đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên trong phạm vi VKSND cấp tỉnh chúng tôi cho rằng việc tổ chức hợp lý các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, các cán bộ cụ thể với những chuyên môn nghiệp vụ cụ thể, là những điều kiện quan trọng để thúc đẩy chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra VAHS.

Để tổ chức có hiệu quả công tác kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ đòi hỏi chúng ta phải xây dựng một đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao ở VKSND. Trong đó, Phòng nghiệp vụ cấp tỉnh thực sự là một bộ phận hướng dẫn, kiểm tra hoạt động nghiệp vụ của VKS cấp huyện. Đối với hoạt động kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra là một hoạt động rất quan trọng trong toàn bộ quá trình KSĐT phải do những Kiểm sát viên chuyên trách đảm nhiệm, không nên kiêm nhiệm, đồng thời, đòi hỏi các cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác này phải thực sự vững vàng về chính trị, trong sáng về phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh nghề nghiệp, chuyên sâu về nghiệp vụ, đồng thời phải có kinh nghiệm công tác.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ của ngành phải luôn quán triệt một cách đầy đủ và sâu sắc các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của ngành để thể chế hóa và vận dụng sát hợp vào việc hoạch định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; không ngừng đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ và luôn coi đó là yêu cầu tất yếu, được đặt ngang tầm nhiệm vụ chính trị trong công tác xây dựng ngành, đồng thời tập trung đủ nguồn lực cần thiết cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong đó đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, cán bộ chuyên gia đầu ngành, cán bộ trẻ trong quy hoạch. Đặc biệt chú trọng nội dung giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức cách mạng theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cán bộ ngành kiểm sát: “Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”,

giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành, năng lực quản lý điều hành, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn cán bộ thời kỳ mới. Đào tạo có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức.

Cần nâng cao trình độ của người có thẩm quyền và có nhiệm vụ thu thập, đánh giá chứng cứ. Trong tình hình hiện nay, để nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ điều tra, kiểm sát điều tra, trước hết cần phải trang bị cho họ kiến thức cần thiết về khoa học pháp lý; phải có chính sách, biện pháp để mỗi cán bộ được học tập bồi dưỡng thường xuyên. Một trong những biện pháp hữu hiệu là việc đánh giá cán bộ theo định kỳ. Theo chúng tôi, hình thức đánh giá cần phải nghiên cứu, tùy từng loại cán bộ, hình thức có thể là thi hoặc tái bổ nhiệm. Những cán bộ không đủ tiêu chuẩn, không đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ phải bị thanh loại. Việc đánh giá cán bộ được thực hiện nghiêm túc và thường xuyên có ý nghĩa rất lớn trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Về thực tiễn, để nâng cao trình độ cán bộ cần có sự tổng kết các mặt hoạt động của công tác thu thập, đánh giá chứng cứ. Việc tổng kết kinh nghiệm có thể thực hiện ở các cấp độ, phạm vi khác nhau và phải thực hiện một cách nghiêm túc, khoa học.

Đồng thời, tăng cường rà soát, xác định rõ nhu cầu biên chế và cơ cấu Kiểm sát viên, Kiểm tra viên của từng VKS cấp huyện, Thành phố để đề nghị VKSND Tối cao tăng cường biên chế cho phù hợp.

3.3.3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và hoàn thiện chính sách

Trong điều kiện cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế, với việc tăng thẩm quyền cho các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện đòi hỏi phải có sự đầu tư mạnh hơn về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho Viện kiểm sát các cấp. Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị cũng đã chỉ rõ: Từng bước xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan tư pháp khang trang hiện đại, đầy đủ tiện nghi, khấn trương trong một vài năm xây dựng xong trụ sở làm việc các cơ quan tư pháp cấp huyện. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan tư pháp. Vì vậy, trong thời gian tới Đảng và Nhà nước cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ hỗ trợ, trang thiết bị làm việc, đi lại cho tất cả các đơn vị kiểm sát, hơn nữa rất cần thiết trang bị các thiết bị hiện đại công nghệ cao để có thể bắt kịp sự phát triển của xã hội nhằm

nâng cao hiệu quả trong việc kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ; có chính sách ưu đãi hơn nữa đối với cán bộ, kiểm sát viên nhằm động viên thu hút những người có đức, có tài, những chuyên gia giỏi nếu không sẽ dẫn đến việc một số cán bộ, kiểm sát viên có năng lực xin chuyển đi cơ quan khác công tác hoặc ra ngoài làm kinh tế như một số năm qua. Cụ thể, hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra đòi hỏi KSV phải đi khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, tham gia một số hoạt động khám xét hay khi cần thiết VKS hỏi cung bị can, nhân chứng, trung cầu giám định...Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên KSV thường phải trực trong những ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, sẵn sàng có mặt khi CQĐT thông báo về sự kiện pháp lý đã xảy ra và những hoạt động điều tra ban đầu đang được dự định hoặc chuẩn bị tiến hành...Do vậy, Kiểm sát viên cần được trang bị các phương tiện làm việc như: ô tô, xe máy, máy ảnh, máy ghi hình, máy tính...để phục vụ công tác đạt hiệu quả cao nhất.

3.3.4. Xây dựng mối quan hệ giữa các đơn vị trong Viện kiểm sát, giữa VKS với Cơ quan điều tra và các cơ quan khác có liên quan, xây dựng quy chế phối hợp trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ

Cần phải xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị kiểm sát, giữa các cấp kiểm sát và giữa VKS với các cơ quan, tổ chức đơn vị và cá nhân. Thực tiễn công tác kiểm sát của VKS đã cho thấy quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong mỗi cấp, giữa các cấp kiểm sát và giữa VKS với cơ quan, tổ chức đơn vị không chỉ là giải pháp nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp mà đã được coi là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành KSND.

Trong quan hệ phối hợp giữa VKS các cấp với nhau cũng đòi hỏi có sự phối hợp trong hoạt động nghiệp vụ và trong hoạt động chỉ đạo, điều hành. Trên cơ sở quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp kiểm sát, giữa các cấp có sự phối hợp trên dưới và ngược lại. Những quan hệ phối hợp giữa các cấp kiểm sát nếu thực hiện thường xuyên sẽ rất có ý nghĩa, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở giai đoạn điều tra.

Trong quan hệ phối hợp giữa VKSND với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác cần phải đảm bảo nguyên tắc việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở tôn trọng chức

năng, nhiệm vụ của mỗi bên theo quy định của pháp luật, trong quan hệ này cần chú ý khắc phục hai thái cực, hoặc là quá nhấn mạnh quan hệ phối hợp mà hạn chế tính độc lập trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên. Biểu hiện của xu hướng này thường là những quy định các vấn đề đều phải dựa trên kết luận của liên ngành; xu hướng khác là không chú trọng quan hệ phối hợp, nhấn mạnh quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên.

Kết luận chương 3

1. Trên cơ sở phân tích phương hướng, nhiệm vụ bảo đảm hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp, luận văn đã trình bày một số giải pháp nâng tăng cường bảo đảm hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự;

2. Các giải pháp cụ thể được tác giả luận giải trên cơ sở nghiên cứu, làm rõ thực trạng công tác kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và nguyên nhân của nó;

3. Mặc dù BLTTHS 2015 mới được ban hành, phần lớn những bất cập của BLTTHS năm 2003 đã được khắc phục, nhưng vẫn không tránh khỏi những vấn đề còn tồn tại trong thực tiễn kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Ngoài giải pháp về pháp luật, các giải pháp gắn với địa bàn tỉnh Hưng Yên góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, bảo đảm cho việc điều tra, truy tố...có căn cứ và hợp pháp, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền cá nhân trong tố tụng hình sự.

KẾT LUẬN

Kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ là một trong những vấn đề trung tâm của chức năng kiểm sát hoạt động điều tra của Viện kiểm sát nhằm giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, kinh nghiệm thực tiễn hoạt động điều tra, kiểm sát điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên trong thời gian qua, luận văn đã giải quyết và kết luận được những vấn đề mà mục tiêu nghiên cứu đề tài đặt ra. Vì vậy, nghiên cứu về đề tài “Kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên” là rất cần thiết, có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn.

Từ những luận điểm và luận cứ nêu trong luận án có thể rút ra kết luận:

1. Kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong hoạt động điều tra có nội dung rất rộng nên để khái quát tổng thể về những nội dung pháp luật quy định, thực trạng của quá trình kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ, luận văn không thể nêu cụ thể hết được tất cả mà chủ yếu tập trung phân tích sâu vào hoạt động kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ trong việc giải quyết vụ án. Đó là các hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, giám định...; đồng thời qua đó nêu lên những thực trạng của pháp luật, của hoạt động điều tra và kiểm sát điều tra. Mục đích của luận văn là phân tích nội dung kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ, những khó khăn và vướng mắc của Viện kiểm sát đang gặp phải trong những năm qua và đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng của hoạt động này. Vì vậy, Luận văn không tập trung nêu những mặt được, những thuận lợi mà chủ yếu tập trung phân tích những khó khăn, thiếu sót trong hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ liên quan đến những vi phạm, thiếu sót của CQĐT, ĐTV, của VKS, KSV trong hoạt động điều tra và kiểm sát điều tra đồng thời nêu lên những vấn đề chưa được giải quyết triệt để ở BLTTHS mới ban hành; những hạn chế của VKS và KSV về trách nhiệm, quyền hạn, về nguồn nhân lực, trình độ nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp...

2. Đã luận giải một cách tổng quan về thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra VAHS với những nội dung chủ yếu như làm rõ khái niệm chứng cứ,

thu thập chứng cứ và đánh giá chứng cứ; và tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, phạm vi, cơ sở về kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự; thông qua đó đặt ra những yêu cầu cần thiết của KSV phải thực hiện và lưu ý khi tiến hành kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ. Hoạt động thu thập chứng cứ được thực hiện bằng việc áp dụng các biện pháp và phương tiện do luật định để tìm kiếm, thu giữ, ghi nhận các nguồn mang thông tin chứng cứ, làm tiền đề cho việc đánh giá chứng cứ. Đánh giá chứng cứ chính là hoạt động tư duy của ĐTV nhằm xác định độ tin cậy và giá trị chứng minh của chứng cứ nhằm tạo điều kiện cho việc sử dụng chứng cứ. Trong giai đoạn điều tra việc thu thập, đánh giá chứng cứ chủ yếu thuộc về CQĐT và quá trình thu thập và đánh giá chứng cứ có khách quan, đầy đủ, hợp pháp, đúng pháp luật hay không là do quá trình kiểm tra giám sát hoạt động điều tra vụ án hình sự.

3. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu tổng quan về chức năng kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ, khái quát thực trạng những mặt được và thiếu sót của hoạt động trên trong giai đoạn điều tra, truy tố tội phạm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nói riêng và ở nước ta nói chung hiện nay, luận văn đã đề xuất những giải pháp để hoàn thiện về mặt lý luận nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ trên các phương diện khoa học, luật học và thực tiễn.

4. Từng bước hoàn thiện các cơ quan có thẩm quyền thu thập, đánh giá chứng cứ và cơ quan có thẩm quyền kiểm sát hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ; hoàn thiện về mặt tổ chức, nâng cao trình độ của những người có thẩm quyền kiểm sát thu thập, đánh giá chứng cứ; tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức tập huấn nghiệp vụ và tổng kết rút kinh nghiệm đối với hoạt động kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ, tăng cường mối quan hệ VKS – CQĐT trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ. Ngoài ra, luận văn còn đề xuất việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và hoàn thiện chính sách... Luận văn đã đề xuất việc ban hành Quy chế kiểm sát điều tra thay thế cho quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC về quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra vụ án hình sự để phù hợp với BLTTHS năm 2015, đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều qui định mà BLTTHS năm 2015 chưa giải quyết triệt để như nguồn chứng cứ, về việc lấy lời

khai, hỏi cung... Đây là những biện pháp cần thiết và hoàn toàn có thể thực hiện được trong điều kiện nước ta hiện nay để nâng cao chất lượng công tác điều tra và kiểm sát điều tra vụ án hình sự.

5. Trên tinh thần tôn trọng lý luận cơ bản và thực tiễn công tác kiểm sát điều tra, luận văn lần đầu tiên đã đưa ra những nội dung cơ bản về kiểm sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ, những vấn đề mà mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra. Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu và khả năng bản thân có hạn, trong khi đó nội dung đề truyền tải và giải quyết của đề tài là rất rộng lớn và phức tạp nên chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong được sự đóng góp ý kiến của Hội đồng khoa học, của các đồng nghiệp, các nhà nghiên cứu và những ai quan tâm đến đề tài này, để tác giả tiếp tục tìm tòi thêm trong quá trình nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. . Bộ Chính trị (2000), *Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị (khóa IX) về một số công việc cấp bách các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2020*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2002 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08- NQ/TW ngày 02/1/2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội
4. . Lê Cẩm (2004), "Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự", Tạp chí Kiểm sát, (2).
5. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên), Đỗ Ngọc Quang (2013), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Chí (2012), *Đề cương bài giảng Những vấn đề cơ bản và hiện đại luật tố tụng hình sự*.
7. . Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Ngô Văn Độn (2004), *Nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố về vấn đề thông khâu và chuyên khâu trong công tác kiểm sát hình sự*, Đề tài khoa học cấp bộ: Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
9. Đỗ Văn Dương (2000), *Thu thập và đánh giá sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Hà Nội
10. Đỗ Văn Dương (2006), "Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (7), tr.10-13.
11. Huỳnh Quốc Hùng (2012), *Hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự của Viện kiểm sát quân sự theo tinh thần cải cách tư pháp, thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ: Viện kiểm sát quân sự TW, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao.
12. Vũ Việt Hùng, Trần Hưng Bình (2012), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án về trật tự xã hội theo yêu cầu cải cách*

tư pháp ở Việt Nam hiện nay, Đề tài khoa học cấp bộ: Vụ 1A, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao.

13. Trần Đình Nhã (1995), *Về đổi mới tổ chức cơ quan điều tra - Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của TTHS Việt Nam*, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ, Viện khoa học kiểm sát: VKSND tối cao.

14. Trần Công Phàn (2014), "*Một số định hướng sửa đổi, bổ sung BLHS đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*", Tạp chí kiểm sát, (16), tr.03.

15. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Quốc hội (1988), *Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1988*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

19. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

20. Quốc hội (1992) *Hiến pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21. Quốc hội (2013) *Hiến pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức VKSND*, Hà Nội.

23. Lê Hữu Thê (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, tr.21, Hà Nội.

24. Nguyễn Duy Thuận (2000), *Những giải pháp nâng cao hoạt động thu thập chứng cứ trong tố tụng hình sự*, TP Hồ Chí Minh

25. Trường đại học luật Hà Nội (1998), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

26. Trường đại học luật Hà Nội (1999), *Từ điển luật học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

27. Trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát (2012), *Giáo trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát*, Hà Nội.

28. Trường Sĩ quan an ninh (1979), *Giáo trình chứng cứ trong đấu tranh chống tội phạm*
29. Đào Trí Úc (1995), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật TTHS Việt nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2006), *Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
31. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2006), *Sổ tay kiểm sát viên hình sự*, Hà Nội.
32. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2008), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 07 ngày 02/01/2008*, Hà Nội.
33. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên (2011), “*Báo cáo công tác kiểm sát năm 2011*” Số 79/BC-VKS, ngày 03/12/2011, Hưng Yên.
34. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên (2012), “*Báo cáo công tác kiểm sát năm 2012*” Số 88/BC-VKS, ngày 01/12/2012, Hưng Yên.
35. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên (2013), “*Báo cáo công tác kiểm sát năm 2013*” Số 64/BC-VKS, ngày 02/12/2013, Hưng Yên.
36. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên (2014), “*Báo cáo công tác kiểm sát năm 2014*” Số 81/BC-VKS, ngày 03/12/2014, Hưng Yên.
37. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), “*Báo cáo công tác kiểm sát năm 2015*” Số 75/BC-VKS, ngày 04/12/2015, Hưng Yên.
38. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2011), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Đình chỉ Điều tra năm 2011*, Hưng Yên.
39. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2012), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Đình chỉ Điều tra năm 2012*, Hưng Yên.
40. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2013), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Đình chỉ Điều tra năm 2013*, Hưng Yên.
41. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2014), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Đình chỉ Điều tra năm 2014*, Hưng Yên.
42. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2015), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Đình chỉ Điều tra năm 2015*, Hưng Yên.

43. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2011), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Trả hồ sơ điều tra bổ sung năm từ 2011*, Hưng Yên.
44. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2012), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Trả hồ sơ điều tra bổ sung năm từ 2012*, Hưng Yên.
45. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2013), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Trả hồ sơ điều tra bổ sung năm từ 2013*, Hưng Yên.
46. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2014), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Trả hồ sơ điều tra bổ sung năm từ 2014*, Hưng Yên.
47. Viện kiểm sát nhân dân Hưng yên (2015), *Báo cáo thực hiện chuyên đề Trả hồ sơ điều tra bổ sung năm từ 2015*, Hưng Yên.
48. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng yên (2015) *Báo cáo Tổng kết công tác trong nhiệm kì Quốc hội khóa XIII của ngành kiểm sát nhân dân Hưng Yên*, Hưng Yên.
49. Viện kiểm sát nhân dân Hưng Yên (2015), *Kiến nghị khắc phục vi phạm của Cơ quan điều tra trong hoạt động điều tra trong 6 tháng cuối năm 2015*, Hưng Yên.
50. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
51. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn Bộ luật hình sự năm 2015*, Hà Nội.
52. Viện thông tin khoa học xã hội (1981), *Sưu tập chuyên đề về Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự và tội phạm học*, Hà Nội.
53. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1995), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
54. https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0ng_Y%C3%AAAn, ngày truy cập 22/6/2016
55. <http://hungyen.gov.vn/Pages/toan-canhh-67/dieu-kien-tu-nhien-76/default.aspx> ngày truy cập 22/6/2016.
56. <http://vienkiemsathungyen.gov.vn/content.html> , ngày truy cập 22/6/2016